



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAI GON – HA NOI SECURITIES J.S.C

Trụ sở: Tầng 3 - Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn,
Số 1 Phố Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04.38 181 888 / Fax: 04.38 181 688 / Website: www.shs.com.vn

Bản nội thành giá trị

LIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
(Sửa đổi, bổ sung ngày 27/4/2015
và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/7/2015)

Hà Nội, tháng 7 năm 2015

M C L C

PH N M	U	3
CH NG I		3
i u 1.	Gi i thích thu t ng	3
i u 2.	Hình th c, tên g i, tr s và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty	5
i u 3.	Th i h n ho t ng c a Công ty	6
CH NG II		6
i u 4.	L nh v c kinh doanh	6
i u 5.	M c tiêu ho t ng	7
i u 6.	Ph m vi ho t ng kinh doanh	7
i u 7.	Nguyên t c ho t ng	7
i u 8.	Quy n h n và ngh a v c a Công ty	8
i u 9.	Các quy nh h n ch	10
i u 10.	Các quy nh v b o m t thông tin	11
i u 11.	Quy t c o c ngh nghi p	11
CH NG III		11
i u 12.	V n i u l c a Công ty	11
i u 13.	C ông sáng l p c a Công ty	12
i u 14.	Thay i v n i u l	12
i u 15.	C ph n c a Công ty	13
i u 16.	Chào bán c ph n	13
i u 17.	Bán c ph n	14
i u 18.	Mua l i c ph n	14
i u 19.	Thu h i c ph n	16
i u 20.	Chuy n nh ng c ph n	16
i u 21.	C phi u	17
i u 22.	Ch ng ch ch ng khoán khác	18
i u 23.	S ng ký C ông	18
CH NG IV		19
i u 24.	C c ut ch c qu n lý	19
M c 1 - C ông, i h i ng C ông		20
i u 25.	C ông c a Công ty	20
i u 26.	Quy n c a C ông	20
i u 27.	Quy n kh i ki n i v i thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c	21
i u 28.	Ngh a v c a C ông	22
i u 29.	i h i ng C ông	22
i u 30.	Th m quy n tri ut p i h i ng C ông	23
i u 31.	Thông báo m i h p, ch ng trình và n i dung h p i h i ng C ông	25
i u 32.	Quy n d h p i h i ng C ông	26
i u 33.	Các i u ki n ti n hành h p i h i ng C ông	27
i u 34.	Th th c tí n hành h p và bi u quy t t i i h i ng C ông	27
i u 35.	Thông qua quy t nh c a i h i ng C ông	29
i u 36.	Th m quy n và th th c l ý ki n C ông b ng v n b n	31
i u 37.	Biên b n h p i h i ng C ông	32
i u 38.	Yêu c u hu b quy t nh c a i h i ng C ông	33
M c 2 - H i ng Qu n tr		34
i u 39.	S l ng, nhi m k và nguyên t c c , ng c H i ng Qu n tr	34
i u 40.	Quy n h n và nhi m v c a H i ng Qu n tr	35
i u 41.	Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng Qu n tr	37
i u 42.	Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng Qu n tr	38
i u 43.	Quy n h n và nhi m v c a thành viên H i ng Qu n tr	39
i u 44.	Thù lao và l i ích c a thành viên H i ng Qu n tr	39
i u 45.	Các cu c h p c a H i ng Qu n tr	40
i u 46.	Thay th thành viên H i ng Qu n tr	44
i u 47.	Ban th ký H i ng Qu n tr	45
i u 48.	B ph n Ki m toán n i b và Qu n tr r i ro c a H i ng Qu n tr	45
M c 3 - T ng Giám c và Cán b qu n lý khác		46

i u 49.	T ch c b máy qu n lý	46
i u 50.	Cán b qu n lý	47
i u 51.	T ng Giám c	47
i u 52.	Quy n h n và nhi m v c a T ng Giám c	48
i u 53.	B nhi m, bãi nhi m, mi n nhi m T ng Giám c	49
i u 54.	Thù lao c a T ng Giám c và các thành viên khác trong Ban i u hành	50
i u 55.	B ph n Ki m soát n i b và Qu n tr r i ro tr c thu c Ban T ng Giám c	50
M c 4 – Ban Ki m soát		51
i u 56.	S l ng, nhi m k , nguyên t c c , ng c vào Ban Ki m soát	51
i u 57.	Quy n h n và nhi m v c a Ban Ki m soát	52
i u 58.	Quy n h n và nhi m v c a Tr ng Ban Ki m soát, thành viên Ban Ki m soát	54
i u 59.	Quy n c cung c p thông tin c a Ban Ki m soát	55
i u 60.	Thay th thành viên Ban Ki m soát	55
i u 61.	Các cu c h p Ban Ki m soát	56
i u 62.	Thù lao và l i ích c a thành viên Ban Ki m soát	58
M c 5 - Ngh a v c a các Thành viên H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát, T ng Giám c và các thành viên Ban i u hành Công ty		58
i u 63.	Trách nhi m c n tr ng	58
i u 64.	Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i	59
i u 65.	Công khai các l i ích có liên quan	60
i u 66.	Trách nhi m v thi th i và b i th ng	60
i u 67.	Các h p ng, giao đ ch ph i c H C , H i ng Qu n tr ch p thu n	61
M c 6 - Quy n i u tra s sách và h s c a Công ty		62
i u 68.	Quy n i u tra s sách và h s	62
M c 7 - Ng i lao ng và công oàn		62
i u 69.	Ng i lao ng và công oàn	62
CH NG V		63
M c 1 - H th ng k toán và n m tài chính		63
i u 70.	H th ng k toán	63
i u 71.	N m tài chính	63
i u 72.	Tài kho n ngân hàng	63
M c 2 - Con d u và ki m toán		63
i u 73.	Con d u	63
i u 74.	Ki m toán	63
i u 75.	H th ng Ki m soát n i b	64
M c 3 - S d ng v n và phân chia l i nhu n		64
i u 76.	S d ng v n	64
i u 77.	Trích l p các Qu	65
i u 78.	C t c	65
i u 79.	X lý l trong kinh doanh	66
i u 80.	Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n	66
CH NG VI		67
i u 81.	Các Báo cáo c a Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i	67
i u 82.	Công b thông tin và thông báo ra công chúng	67
CH NG VII		68
i u 83.	T ch cli	68
i u 84.	Ch m đ tho t ng và gi i th Công ty	68
i u 85.	Thanh lý Công ty	68
i u 86.	Phá s n Công ty	69
i u 87.	Tr ng h p b t cgi a các thành viên H i ng Qu n tr và C ông	69
i u 88.	Gi i quy t tranh ch p n i b	70
CH NG IX		71
i u 89.	B sung và s a i i ul	71
i u 90.	Ngày hi ul c	71
CHI TI TV N I UL CÔNG TY T NGÀY THÀNH L P N NAY		72

PH N M U

i u l Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i c l p d a trên các quy nh sau:

- Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các v n b n h ng d n thi hành, s a i, b sung, thay th Lu t này t i t ng th i i m;
- Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29/6/2006, Lu t s 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 s a i, b sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán và các v n b n h ng d n thi hành, s a i, b sung, thay th Lu t này t i t ng th i i m;
- Ngh nh s 58/2012/N -CP c a Chính ph quy nh chi ti t và h ng d n thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t ch ng khoán;
- i u l m u ban hành kèm theo Thông t s 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 c a B Tài chính quy nh v qu n tr công ty i chúng;
- i u l m u ban hành kèm theo Thông t s 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 c a B Tài chính h ng d n v thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán.
- Các quy nh pháp lu t hi n hành.

i u l này là c s pháp lý cho t ch c và ho t ng c a Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i - c thành l p theo Gi y phép thành l p và ho t ng s 66/UBCK-GP do U ban Ch ng khoán Nhà n c c p ngày 15/11/2007 và các Gi y phép i u ch nh, b sung.

i u l này c s a i, b sung t i Ngh quy t s 02-2015/NQ- H C ngày 27/4/2015 c a i h i ng C ông th ng niên 2015 Công ty CP Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i.

CH NG I QUY NH CHUNG

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:

- a) **“Lu t Doanh nghi p”** có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các v n b n h ng d n thi hành, s a i, b sung, thay th Lu t này t i t ng th i i m.
- b) **“Lu t Ch ng khoán”** có ngh a là Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 c Qu c h i n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29/6/2006, Lu t s 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 s a i, b sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 và các v n b n h ng d n thi hành, s a i, b sung, thay th Lu t này t i t ng th i i m.
- c) **“Pháp lu t”** có ngh a là t t c các Lu t, Pháp l nh, Ngh nh, Thông t , Quy nh,

Quy trình và các văn bản pháp luật khác của các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo đúng thẩm quyền liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm các văn bản sau đây, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.

- d) "**Vn i ul**" là tổng giá trị mệnh giá số phiếu đã phát hành mà các công nhân thanh toán và ghi vào i ul này.
- e) "**Vn pháp nh**" là văn bản thi hành theo yêu cầu của pháp luật Công ty thành lập và hoạt động.
- f) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty Công nhân Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- g) "**Ng i qu n lý**" bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác của Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm cán bộ quản lý của Công ty.
- h) "**Ng i có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
- i) "**Ng i hành nghề chứng khoán**" là người có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, làm việc tại các bộ phận môi giới chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán và có ký kết hợp đồng lao động với công ty chứng khoán.
- j) "**C t c**" là kho n l i như n rông của trụ hàng n m cho m i c ph n b ng t i n m t h o c b ng tài s n khác t ng u n l i như n còn l i c a công ty c ph n sau khi đã trừ chi n gh a v v tài chính.
- k) "**Giá th tr ng c a ph n v n góp h o c c ph n**" là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thanh toán giá bán và người mua, hoặc giá do m t t ch c th m nh giá chuyên nghiệp xác định.
- l) "**Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p**" là văn bản hoặc bản in ấn mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi nội dung thông tin về đăng ký doanh nghiệp.
- m) "**C ông**" là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước sở hữu cổ phần của Công ty và ghi tên trong Sổ đăng ký Công của Công ty.
- n) "**C ông sáng lập**" là Công đồng tham gia vào việc thông qua i ul ưu tiên của Công ty.
- o) "**C ông l n**" là Công đồng hoặc nhóm Công đồng sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp (05) phần trăm trở lên tổng số phần trăm thông của Công ty.
- p) "**C ph n**" là V n i ul của chia thành các phần bằng nhau.
- q) "**C phi u**" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu in ấn xác nhận quy định số lượng chứng khoán của Công ty.
- r) "**S ng ký C ông**" là một tài liệu bằng văn bản, dữ liệu in ấn hoặc hai. Sổ đăng ký Công đồng phải có các nội dung chi tiết theo quy định của pháp luật.
- s) "**Th i h n h o t ng**" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định trong i ul này và thời gian gia hạn (nếu có) của i h i ng C ông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.

- t) **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - u) **"UBCKNN"** có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - v) **"SGDCK"** có nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - w) **"TTGDCK"** có nghĩa là Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
 - x) **"Công ty"** là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
2. Trong nội dung này, việc tham chiếu tới bất kỳ quy định hoặc văn bản pháp luật khác bao gồm các quy định hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (Chức vụ, Mục tiêu) của nội dung này có giá trị pháp lý chỉ dành cho việc theo dõi và không nên được sử dụng để giao dịch chứng khoán.
 4. Các thông tin thu được từ các nguồn khác trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán sẽ có giá trị pháp lý trong nội dung này nếu không mâu thuẫn với các thông tin này.

Điều 2. Hình thức, tên gọi, trụ sở và nơi đăng ký theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có thể có các hình thức công ty cổ phần có tổ chức pháp nhân, hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật này và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Tên của Công ty:
 - a) Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**
 - b) Tên tiếng Anh: **Sai Gon – Ha Noi Securities Joint Stock Company**
 - c) Tên viết tắt: **SHS**
3. Trụ sở Công ty:
 - a) Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Phố Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Điện thoại: (84.4) 38 181 888
 - Fax: (84.4) 38 181 688
 - E-mail: contact@shs.com.vn
 - Website: www.shs.com.vn
 - b) Việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty do sự thay đổi địa chỉ công bố thu nhập và phí của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Nơi đăng ký theo pháp luật:
 - a) Tổng Giám đốc là Người đăng ký theo pháp luật của Công ty.
 - b) Người đăng ký theo pháp luật của Công ty theo quy định của pháp luật này phải đăng ký tại Việt Nam; trừ trường hợp văn bản trên ba mươi (30) ngày thì phải quy định văn bản cho người khác theo quy định của pháp luật hiện hành các quy định và nghĩa vụ của người đăng ký theo pháp luật của Công ty;
 - c) Trường hợp hết thời hạn quy định mà Người đăng ký theo pháp luật chưa trả lời Việt Nam và không có quy định khác thì người đăng ký văn bản thì phải thực

hiện các quy định và nghĩa vụ của Người đi di sản theo pháp luật trong phạm vi đã quy định cho mình khi Người đi di sản theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho mình khi Hội đồng Quản trị quyết định người khác làm Người đi di sản theo pháp luật của Công ty.

- d) Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không quy định cho người khác thì hiện các quy định và nghĩa vụ của Người đi di sản theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng Quản trị quyết định người khác làm đi di sản theo pháp luật của công ty.
 - e) Trường hợp Tổng Giám đốc là Người đi di sản theo pháp luật bất mại, giám, trừ khi bị mất trí, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà Công ty chấp hành nhiệm vụ Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đi di sản theo pháp luật của Công ty cho mình khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh trên.
 - f) Công ty có thể có một hoặc nhiều người đi di sản theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định về số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đi di sản theo pháp luật của doanh nghiệp. Công ty phải luôn có ít nhất một người đi di sản theo pháp luật tại Việt Nam.
5. Công ty có thể thành lập, đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng đi di sản, Phòng giao dịch tại địa bàn kinh doanh theo quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 3. Thiệt hại do tổn thất của Công ty

Trường hợp mất mát hoặc thiệt hại theo Điều 84 của Điều lệ này, thiệt hại do tổn thất của Công ty là vô thiệt hại kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Lĩnh vực kinh doanh

1. Công ty tham gia các hoạt động kinh doanh chứng khoán, bao gồm các hoạt động sau:
 - a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tổ chức kinh doanh chứng khoán;
 - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
 - e) Lưu ký chứng khoán;
 - f) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một hoặc một số trong những lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1, Điều này theo quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được UBCKNN phê duyệt.

i u 5. M c tiêu ho t ng

1. M c tiêu ho t ng c a Công ty là: Kinh doanh mang l i l i nhu n cao nh t cho C ông trong i u ki n tuân th các quy nh c a pháp lu t. Phát tri n b n v ng lâu dài, h i nh p v i kinh t khu v c và th gi i tr thành m t trong nh ng công ty ch ng khoán hàng u t i Vi t Nam, mang l i l i ích cho các C ông, ng i lao ng và cung ng cho khách hàng các s n ph m, d ch v ch t l ng cao.
2. N u b t k m c tiêu nào trong s nh ng m c tiêu nêu t i Kho n 1, i u này c n có s phê duy t thì Công ty ch có th th c hi n m c tiêu ó sau khi c c quan Nhà n c có th m quy n phê duy t.

i u 6. Ph m vi ho t ng kinh doanh

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh ch ng khoán, cung c p d ch v t v n tài chính và d ch v tài chính khác trong n i dung Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, Gi y phép thành l p và ho t ng Công ty Ch ng khoán và c Lu t Ch ng khoán cho phép. Và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
2. Công ty cung c p d ch v , s n ph m m i theo quy t nh c a H i ng Qu n tr và ph i c s ch p thu n tr c b ng v n b n c a UBCKNN.
3. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng C ông phê chu n.

i u 7. Nguyên t c ho t ng

Công ty ho t ng và kinh doanh tuân th các nguyên t c:

1. Tuân th các quy nh pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và các quy nh pháp lu t khác có liên quan;
2. Tuân th o c ngh nghi p;
3. Liêm tr c và th c hi n ho t ng kinh doanh m t cách công b ng;
4. Hoàn thành ngh a v c a mình v i khách hàng m t cách t t nh t;
5. m b o ngu n l c v con ng i, v n và c s v t ch t c n thi t khác th c hi n ho t ng kinh doanh ch ng khoán và ban hành b ng v n b n các quy trình th c hi n nghi p v kinh doanh phù h p;
6. Ch c a ra l i t v n phù h p v i khách hàng trên c s n l c thu th p thông tin v khách hàng;
7. Ph i cung c p cho khách hàng thông tin c n thi t cho vi c ra quy t nh u t c a khách hàng;
8. Th n tr ng không c t o ra xung t l i ích v i khách hàng. Trong tr ng h p không th tránh c, Công ty ph i thông báo tr c cho khách hàng và/ho c áp d ng các bi n pháp c n thi t m b o i x công b ng v i khách hàng;
9. Ban hành và áp d ng các quy trình nghi p v , quy trình ki m soát n i b và qu n tr r i ro, quy t c o c hành ngh phù h p v i quy nh c a Ch ng khoán và các v n b n pháp lu t liên quan.
10. B trí ng i hành ngh ch ng khoán phù h p v i nghi p v ho t ng kinh doanh.

Ng i hành ngh ch ng khoán th c hi n nghi p v t doanh ch ng khoán không c ng th i th c hi n nghi p v môi gi i ch ng khoán.

11. D báo giá ho c khuy n ngh giao d ch liên quan n m t lo i ch ng khoán c th trên các ph ng ti n truy n thông ph i ghi rõ c s phân tích và ngu n trích d n thông tin.

i u 8. Quy n h n và ngh a v c a Công ty

1. Quy n c a Công ty:

- a) Ký h p ng b ng v n b n v i khách hàng v giao d ch ch ng khoán, ng ký và l u ký ch ng khoán, b o lãnh phát hành ch ng khoán, t v n u t ch ng khoán và t v n tài chính;
- b) Th c hi n thu phí theo các m c phí, l phí do B Tài chính quy nh;
- c) Tuy n d ng, thuê và s d ng lao ng theo yêu c u kinh doanh;
- d) u tiên s d ng lao ng trong n c, b o m quy n và l i ích c a ng i lao ng theo quy nh c a Lu t Lao ng, tôn tr ng quy n t ch c công oàn theo quy nh c a pháp lu t;
- e) S h u, s d ng, nh o t tài s n c a Công ty;
- f) Qu n lý, s d ng v n do các C ông góp th c hi n các m c tiêu, nhi m v kinh doanh c a Công ty theo quy nh t i i u l này; Ngh quy t c a i h i ng C ông; Ngh quy t, Quy t nh c a H i ng Qu n tr và pháp lu t hi n hành;
- g) Ch ng trong m i ho t ng kinh doanh ã ng ký;
- h) i m i công ngh , áp d ng ph ng th c qu n lý khoa h c, hi n i nâng cao hi u qu và kh n ng c nh tranh;
- i) T ch c b máy qu n lý và nhân s , t ch c kinh doanh phù h p v i m c ích và n i dung ho t ng c a Công ty và theo quy nh c a pháp lu t;
- j) Quy t nh m , sáp nh p ho c óng c a chi nhánh, v n phòng i di n Công ty trong và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t;
- k) L a ch n hình th c huy ng v n theo quy nh c a pháp lu t;
- l) Có quy n ngh khách hàng cung c p thông tin v tình hình tài chính, s n xu t kinh doanh khi quy t nh xác l p quan h giao d ch v i khách hàng và có quy n t ch i các quan h ó n u th y trái pháp lu t, không em l i hi u qu ho c không có kh n ng th c hi n;
- m) Khi u n i, t cáo ho c kh i ki n các hành vi xâm h i t i quy n và l i ích h p pháp c a Công ty;
- n) T ch i ho c t cáo m i yêu c u cung c p các ngu n l c không c pháp lu t quy nh c a b t k cá nhân, c quan hay t ch c nào, tr nh ng kho n t nguy n óng góp vì m c ích nhân o và công ích;
- o) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

2. Ngh a v c a Công ty:

- a) Ho t ng kinh doanh theo úng ngành, ngh mà pháp lu t không c m, c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n, pháp lu t không c m, c y ban Ch ng

khoán Nhà n c ch p thu n; t ch kinh doanh và l a ch n hình th c t ch c kinh doanh; ch ng l a ch n ngành, ngh , a bàn, hình th c kinh doanh; ch ng i u ch nh quy mô và ngành, ngh kinh doanh; m b o i u ki n kinh doanh theo quy nh c a pháp lu t;

- b) Ch u trách nhi m tr c pháp lu t v toàn b ho t ng c a mình;
- c) T ch v tài chính, m b o chi phí, t ch u trách nhi m v k t qu kinh doanh, v s t ng tr ng vào b o toàn v n c a Công ty;
- d) Thi t l p h th ng ki m soát n i b , qu n tr r i ro và giám sát, ng n ng a nh ng xung t l i ích trong n i b Công ty và trong giao d ch v i ng i có liên quan;
- e) Qu n lý tách bi t ch ng khoán c a t ng nhà u t , tách bi t t i n và ch ng khoán c a nhà u t v i t i n và ch ng khoán c a Công ty;
- f) Ký h p ng b ng v n b n v i khách hàng khi cung c p d ch v cho khách hàng; cung c p y , trung th c thông tin cho khách hàng;
- g) u tiên th c hi n l nh c a khách hàng tr c l nh c a Công ty;
- h) Thu th p, tìm hi u thông tin v tình hình tài chính, m c tiêu u t , kh n ng ch p nh n r i ro c a khách hàng; b o m các khuy n ngh , t v n u t c a Công ty cho khách hàng ph i phù h p v i khách hàng ó;
- i) Tuân th các quy nh b o m v n kh d ng theo quy nh c a B Tài chính;
- j) Mua b o hi m trách nhi m ngh nghi p cho nghi p v kinh doanh ch ng khoán t i Công ty ho c trích l p qu b o v nhà u t b i th ng thi th i cho nhà u t do s c k thu t và s s u t c a nhân viên trong Công ty;
- k) L u gi y các ch ng t và tài kho n ph n ánh chi ti t, chính xác các giao d ch c a khách hàng và c a Công ty;
- l) Th c hi n vi c bán ho c cho khách hàng bán ch ng khoán khi không s h u ch ng khoán và cho khách hàng vay ch ng khoán bán theo quy nh c a B Tài chính;
- m) Tuân th các quy nh c a B Tài chính v nghi p v kinh doanh ch ng khoán;
- n) Th c hi n ch k toán, ki m toán, th ng kê, ngh a v tài chính theo quy nh c a pháp lu t;
- o) Th c hi n công b thông tin theo quy nh t i i u 108 và i u 109 Lu t Doanh nghi p, i u 100 n i u 104 c a Lu t Ch ng khoán; i u và ch báo cáo theo quy nh c a B Tài chính, UBCKNN và S GDCK;
- p) Tuân th các nguyên t c v qu n tr Công ty theo quy nh t i i u 28 Lu t Ch ng khoán;
- q) óng góp qu h tr thanh toán theo quy nh t i quy ch c a Trung tâm l u ký ch ng khoán; Qu n lý tách bi t t i n và ch ng khoán c a t ng khách hàng, qu n lý tách bi t t i n và ch ng khoán c a khách hàng v i t i n và ch ng khoán c a Công ty. M i giao d ch b ng t i n c a khách hàng ph i c Công ty th c hi n qua ngân hàng. Không l m d ng các tài s n do khách hàng y thác cho Công ty qu n lý và t i n thanh toán giao d ch c a khách hàng, ch ng khoán c a khách hàng l u ký t i Công ty;
- r) Th c hi n các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t.

Điều 9. Các quy định chung

1. Quy định chung đối với Công ty:

- a) Không được lừa dối khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận thực trên khoản đầu tư của mình hoặc báo cáo khách hàng không biết, ngoi trừ đầu vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của quan chức Nhà nước có thẩm quyền;
- c) Không thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- d) Không cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, trừ trường hợp B Tài chính có quy định khác;
- e) Không tham gia hoặc lừa dối sự thanh toán chia lợi nhuận/thu lợi về khách hàng lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- f) Không thực hiện giao dịch gián tiếp với các cá nhân ngoài các cá nhân giao dịch đã được UBCK chấp thuận ký hợp đồng, nhân viên, thực hiện giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán về khách hàng;
- g) Không nhân viên, thanh toán giao dịch về người khác không phải là người tên tài khoản giao dịch mà không có sự quy định của khách hàng bên bán;
- h) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng ký, giao dịch chứng khoán;
- i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa những điều khoản nhằm tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bị thẩm định của Công ty hoặc chuyển rời Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bị thẩm định một cách không công bằng và các điều khoản gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
- j) Không được cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các công việc cách thực hiện hoặc gián tiếp; cho vay để hình thức về các công việc, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị nhiệm vụ và người có liên quan của người này.

2. Quy định chung đối với ngành chứng khoán của Công ty:

Trường hợp các là người đi đầu tiên về góp hoặc các vào Ban quản lý công ty các các sự vụ công ty hoặc các mà Công ty đầu tư, Người hành nghề Chứng khoán phải:

- a) Không được tham gia làm việc cho các khác có quan hệ sự vụ về Công ty chứng khoán của mình đang làm việc;
- b) Không được tham gia làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;
- c) Không được tham gia làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc các niêm yết;

- d) Cho các tài khoản giao dịch chi ngân sách cho mình thì chính Công ty;
- e) Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chi ngân sách là người đi nhận cho Công ty và thực hiện viết cách Công ty. Không có sự đồng tình, chi ngân sách trên tài khoản của khách hàng khi không có Công ty quy định theo sự thỏa thuận của khách hàng cho Công ty bên ngoài.

3. Quy định về thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tài chính

- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Trưởng Giám đốc) của công ty chi ngân sách khác;
- b) Trưởng Ban Kiểm soát không có nghĩa là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chi ngân sách khác;
- c) Trưởng Giám đốc, Phó Trưởng Giám đốc không có nghĩa là làm việc cho công ty chi ngân sách, công ty quản lý hoặc doanh nghiệp khác. Trưởng Giám đốc không có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chi ngân sách khác.

Điều 10. Các quy định về bảo mật thông tin

- 1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến hồ sơ chi ngân sách và tài khoản của khách hàng, thủ tục chi trả, phong toả, chứng từ, trích chuyển tài khoản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- 2. Quy định tại khoản 1, Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - b) Khách hàng của Công ty mua bất kỳ thông tin liên quan đến hồ sơ chi ngân sách và tài khoản của chính họ;
 - c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11. Quy tắc công nghệ nghiệp vụ

- 1. Bộ quy tắc công nghệ nghiệp vụ do Công ty ban hành dưới hình thức văn bản trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của UBCKNN và “Quy tắc nghiệp vụ của Công ty chi ngân sách” ban hành kèm theo Quy định số 20/QĐ-HHKDCKVN ngày 22/11/2006 của Chủ tịch Hội đồng Kinh doanh Chi ngân sách Việt Nam.
- 2. Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.
- 3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc công nghệ nghiệp vụ của Công ty.

CHƯƠNG III

VĂN I UL , CÔNG SÁNG L P, C PH N, C PHI U

Điều 12. Văn i ul của Công ty

- 1. Văn i ul của Công ty C ph n Chi ngân sách Sài Gòn – Hà Nội quy định chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo Điều này. Phụ lục 01 là một phần không thể tách rời

c a i u l này.

2. V n i u l c a Công ty c chia thành các c ph n có giá tr b ng nhau v i m nh giá là: 10.000 ng/c ph n (*M i nghìn ng trên m t c ph n*).
3. V n i u l c h ch toán b ng ng Vi t Nam (VN).
4. Công ty ph i luôn duy trì m c v n i u l th c có không th p h n m c v n pháp nh theo quy nh c a pháp lu t. Tr ng h p v n i u l th p h n v n pháp nh, Công ty ti n hành b sung v n i u l c a Công ty phù h p v i quy nh c a pháp lu t.
5. V n i u l c s d ng vào các m c ích:
 - a) Mua, u t vào tài s n c nh;
 - b) Góp v n, mua c ph n, liên doanh v i các t ch c trong và ngoài n c theo quy nh c a pháp lu t;
 - c) Thành l p công ty tr c thu c theo quy nh c a pháp lu t;
 - d) Kinh doanh và làm các d ch v khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 13. C ông sáng l p c a Công ty

1. Tên, a ch , s l ng c ph n th c góp khi thành l p Công ty và các chi ti t khác v C ông sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p s c nêu t i Ph l c 01 ính kèm.
2. H n ch i v i quy n c a C ông sáng l p:
 - a) C ông sáng l p c a Công ty không c chuy n nh ng c ph n c a mình trong th i h n 03 n m k t ngày c c p Gi y phép thành l p và ho t ng, tr tr ng h p chuy n nh ng cho C ông sáng l p khác trong Công ty.
Các C ông khác là thành viên H i ng Qu n tr , C ông gi ch c v T ng Giám c Công ty c ng ph i tuân th các h n ch t i i u này.
 - b) C ông sáng l p không c trích l i nhu n khi Công ty không thanh toán các kho n n và các ngh a v tài s n khác n h n.

i u 14. Thay i v n i u l

1. Vi c thay i v n i u l c a Công ty (t ng ho c gi m) ph i c th c hi n trên c s quy t nh c a i h i ng C ông, phù h p v i quy nh c a UBCKNN và pháp lu t hi n hành.
2. Trình t , th t c, h s xin ch p thu n thay i v n i u l th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.
3. Công ty có th thay i v n i u l trong các tr ng h p sau ây:
 - a) Công ty có nhu c u m r ng quy mô ho t ng s n xu t kinh doanh;
 - b) Công ty b gi m v n ho t ng kinh doanh ch ng khoán hi n th i và ph ng án huy ng v n t các ngu n bên ngoài không th c hi n c;
 - c) Theo quy t nh c a i h i ng c ông, công ty hoàn tr m t ph n v n góp cho c ông theo t l s h u c ph n c a h trong công ty;
 - d) Công ty mua l i c ph n ã phát hành quy nh t i i u 129 và i u 130 c a Lu t

Doanh nghiệp;

e) Vốn i ul không các công thanh toán y và ứng h n theo quy nh t i i u 112 c a Lu t Doanh nghiệp.

4. Các hình th c t ng v n i ul c a Công ty:

a) Phát hành c phi u m i huy ng thêm v n theo quy nh c a pháp lu t;

b) Chuy n i trái phi u ã phát hành thành c ph n;

c) Th c hi n tr c t c b ng c phi u;

d) K t chuy n ngu n th ng đ v n b sung t ng v n i ul ;

e) Các hình th c khác theo quy nh c a pháp lu t.

5. Công ty có th gi m v n i ul nh ng phi m b o không th p h n m c v n pháp nh theo quy nh c a pháp lu t.

6. Sau khi ã thay i v n i ul , Công ty ph i công b v n i ul m i c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t. S a i Ph l c 01 c a i ul này phù h p v i m c v n i ul m i. Vì c s a i Ph l c 01 do thay i m c v n i ul do H i ng Qu n tr th c hi n mà không c n thông qua i h i ng C ông.

i u 15. C ph n c a Công ty

1. T t c c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i ul này u là c ph n ph thông. C ông s h u c ph n ph thông là C ông ph thông;

2. Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng C ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t;

3. M i c ph n c a cùng m t lo i u t o cho ng i s h u nó các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau.

4. C ph n ph thông không th chuy n i thành c ph n u ãi. C ph n u ãi có th chuy n i thành c ph n ph thông theo ngh quy t c a i h i ng c ông.

5. C ph n c a Công ty có th c mua b ng ti n ng Vi t Nam, giá tr quy n s đ ng t và các tài s n khác c quy nh t i i ul c a Công ty và theo các quy nh c a pháp lu t;

6. Tr ng h p góp v n b ng giá tr quy n s đ ng t và các tài s n khác không ph i là ti n Vi t Nam, ngo i t t do chuy n i, vàng thì ph i là nh ng tài s n c n thi t ph c v tr c tí p cho ho t ng c a Công ty và ph i c i h i ng C ông thông qua.

Vì c nh giá và chuy n quy n s đ ng t và quy n s h u tài s n này th c hi n theo quy nh t i i u 35, i u 36 và i u 37 Lu t Doanh nghiệp và các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 16. Chào bán c ph n

1. Chào bán c ph n là vi c công ty t ng thêm s l ng c ph n c quy n chào bán và bán các c ph n ó trong quá trình ho t ng t ng v n i ul .

2. Chào bán c ph n có th th c hi n theo m t trong các hình th c sau ây:

a) Chào bán cho các công hi n h u;

- b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán công phần riêng.
 - d) Chào bán công phần ra công chúng, chào bán công phần của công ty công khai theo quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật về kế toán.
3. Công ty công khai đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán công phần.

Điều 17. Bán công phần

1. Hội đồng Quản trị quy định thời điểm, phương thức, giá bán công phần trong sơ đồ bán công phần của quy định chào bán. Giá bán công phần không thấp hơn giá trị thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của công phần tại thời điểm ghi nhận trên các tài khoản pháp luật quy định như sau:
 - a) Công phần chào bán lần đầu tiên cho người không phải Công sáng lập;
 - b) Công phần chào bán cho tất cả Công theo tỷ lệ phần trăm có của Hội đồng Công ty;
 - c) Công phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chi tiêu hoặc tỷ lệ chi tiêu của thanh phí của số chấp thuận của Công đi đến cho ít nhất 65% tổng số công phần có quyền biểu quyết.
2. Công phần thông qua ưu tiên chào bán cho các Công nhân viên theo tỷ lệ từng ngành nghề và các công phần thông qua Hội đồng Công ty, trường hợp Hội đồng Công ty có quy định khác. Công ty phải thông báo về việc chào bán công phần, trong thông báo phải nêu rõ số công phần chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 15 ngày làm việc). Công ty có thể đăng ký mua.

Điều 18. Mua lại công phần

1. Công ty có thể mua lại công phần do chính Công ty đã phát hành theo đúng quy định tại Điều này và của pháp luật hiện hành. Công phần thông qua Công ty mua lại là công phần ưu quyền và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định tại Điều này, Luật Kế toán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Mua lại công phần theo quy định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số công phần thông qua bán ra, một phần hoặc toàn bộ công phần ưu tiên đã bán theo quy định sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị có quyền mua lại không quá 10% tổng số công phần của công ty đã chào bán trong mỗi hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại công phần do Hội đồng Công ty quy định.
 - b) Hội đồng Quản trị quy định giá mua lại công phần.
 - Trong việc công phần thông qua, giá mua lại không thấp hơn giá trị thị trường tại thời điểm mua lại, trường hợp quy định tại mục c, khoản này.
 - Trong việc công phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và Công ty có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không thấp hơn giá trị thị trường;

- c) Công ty có thể mua lại các phần của Công ty bằng cách mua lại các phần của Công ty trong Công ty. Trong trường hợp này, quy định mua lại các phần của Công ty phải được thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Quản lý Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quy định được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ và số chính của Công ty, tên và địa chỉ của người mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thời gian và thời hạn thanh toán, thời gian và thời hạn Công ty chào bán các phần của Công ty.
- d) Công ty có thể bán lại các phần của Công ty bằng cách chào bán các phần của Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có hình thức, tên, địa chỉ, số đăng ký, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, số đăng ký, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Công ty là tổ chức; số phần sở hữu và số phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Công ty hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty chỉ mua lại các phần của Công ty chào bán trong thời hạn nói trên.

3. Mua lại các phần của Công ty theo yêu cầu của Công ty:

- a) Công ty bị yêu cầu quy định phần quy định về việc thanh lý Công ty hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của Công ty quy định tại Điều này, có quyền yêu cầu Công ty mua lại các phần của Công ty. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Công ty, số đăng ký kinh doanh, giá định giá bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Công ty thông qua quy định các văn bản quy định tại khoản này.
- b) Công ty phải mua lại các phần của Công ty theo yêu cầu của Công ty quy định tại Điều này, khoản này về giá trị hoặc giá trị tính theo nguyên tắc quy định tại Điều này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận về giá trị Công ty có thể bán các phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp Công ty là chủ sở hữu và là chủ sở hữu là quy định chung.

4. Thời hạn thanh toán và xử lý các phần mua lại:

- a) Công ty có quyền thanh toán các phần của Công ty cho Công ty theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này ngay sau khi thanh toán các phần của Công ty mua lại, Công ty văn bản thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- b) Các phần của Công ty theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này được coi là các phần thu về và thu của Công ty quy định chào bán. Công ty phải làm thủ tục để chuyển giao quyền sở hữu và quyền lợi về giá trị phần của Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại các phần, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
- c) Chủ sở hữu xác định quy định về các phần của Công ty phải tiêu thụ ngay sau khi các phần được thanh toán. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên hệ chịu trách nhiệm về việc tiêu thụ hoặc chi tiêu của chủ sở hữu gây ra việc Công ty.
- d) Sau khi thanh toán các phần của Công ty mua lại, nội dung giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ sở hữu trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán các phần của Công ty.

mua lãi.

Điều 19. Thu hồi cổ phiếu

1. Trường hợp Công ty không thanh toán lãi và ứng hưởng tiền phí trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quy định yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và ngừng chi phí phát sinh do việc không thanh toán lãi gây ra cho Công ty theo quy định.

Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng yêu cầu, số phiếu chưa thanh toán hết số thu hồi.

2. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể hiện, trường hợp khi thanh toán lãi tất cả các khoản phí nhập, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quy định thu hồi số phiếu đó. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả các cổ phiếu công bố việc phân bổ thu hồi mà thực tế chưa chi trả cho nhà đầu tư thu hồi. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phiếu phân bổ thu hồi theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5, điều này và trong các trường hợp khác theo quy định tại điều này.
3. Cổ phiếu phân bổ thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc gifting quy định cho người đã sở hữu cổ phiếu phân bổ thu hồi hoặc các hình thức khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
4. Công ty niêm yết cổ phiếu phân bổ thu hồi sẽ phải bắt cách Công ty vì những nguyên nhân đó, ngừng vận hành thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan đến vận hành lãi theo điều lệ do Hội đồng Quản trị quy định (nhưng không quá 10%/năm) kể từ ngày bắt thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quy định những việc cần thiết để thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
5. Thông báo thu hồi số cổ phiếu niêm yết cổ phiếu phân bổ thu hồi sẽ phải ghi rõ thời điểm thu hồi. Việc thu hồi này có hiệu lực kể từ trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 20. Chuyển nhượng cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phiếu đều có thể chuyển nhượng trừ những nguyên nhân khác phân bổ hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và điều lệ này. Cổ phiếu của Công ty khi niêm yết trên SGDCK/TTGDCK sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của SGDCK/TTGDCK.
2. Cổ phiếu chưa thanh toán lãi không thể chuyển nhượng và hưởng lãi.
3. Việc chuyển nhượng sẽ thực hiện bằng văn bản hoặc bằng các phương thức khác do Hội đồng Quản trị Công ty quy định. Cổ phiếu của Công ty khi niêm yết trên SGDCK/TTGDCK sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Trường hợp công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của công ty là công ty của công ty.
5. Trường hợp công ty là công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người

th a k t ch i nh n th a k ho c b tru t quy n th a k thì s c ph n ó c gi i quy t theo quy nh c a pháp lu t v dân s .

6. Công có quy n t ng cho m t ph n ho c toàn b c ph n c a mình t i công ty cho ng i khác; s d ng c ph n tr n . Tr ng h p này, ng i c t ng cho ho c nh n tr n b ng c ph n s là c ông c a công ty.
7. Tr ng h p c ông chuy n nh ng m t s c ph n thì c phi u c b h y b và công ty phát hành c phi u m i ghi nh n s c ph n ã chuy n nh ng và s c ph n còn l i.
8. Ng i nh n c ph n trong các tr ng h p quy nh t i i u này ch tr thành c ông công ty t th i i m các thông tin c a h quy nh t i kho n 2 i u 121 c a Lu t này c ghi y vào s ng ký c ông.

i u 21. C phi u

1. C phi u là ch ng ch do công ty c ph n phát hành, bút toán ghi s ho c d li u i n t xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a công ty ó. C phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:
 - a) Tên, mã s doanh nghi p, a ch tr s chính c a công ty;
 - b) S l ng c ph n và lo i c ph n;
 - c) M nh giá m i c ph n và t ng m nh giá s c ph n ghi trên c phi u;
 - d) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ông là t ch c;
 - e) Tóm t t v th t c chuy n nh ng c ph n;
 - f) Ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t và d u c a công ty (n u có);
 - g) S ng ký t i s ng ký c ông c a công ty và ngày phát hành c phi u;
 - h) Các n i dung khác theo quy nh t i các i u 116, 117 và 118 c a Lu t Doanh nghi p i v i c phi u c a c ph n u ãi.
 2. Tr ng h p có sai sót trong n i dung và hình th c c phi u do công ty phát hành thì quy n và l i ích c a ng i s h u nó không b nh h ng. Ng i i di n theo pháp lu t công ty ch u trách nhi m v thi th i do nh ng sai sót ó gây ra.
 3. Tr ng h p c phi u b m t, b h y ho i ho c b h h ng d i hình th c khác thì c ông c công ty c p l i c phi u theo ngh c a c ông ó.
 - a) C phi u ã b m t, b h y ho i ho c b h h ng d i hình th c khác; tr ng h p b m t thì ph i cam oan r ng ã t i n hành tìm ki m h t m c và n u tìm l i c s em tr công ty tiêu h y;
 - b) Ch u trách nhi m v nh ng tranh ch p phát sinh t vi c c p l i c phi u m i.
- i v i c phi u có t ng m nh giá trên m i tri u ng Vi t Nam, tr c khi t i p nh n ngh c p c phi u m i, ng i i di n theo pháp lu t c a công ty có th yêu c u ch s h u c phi u ng thông báo v vi c c phi u b m t, b h y ho i ho c b h h ng d i hình th c khác và sau 15 ngày, k t ngày ng thông báo s ngh công ty c p

c phí u m i.

i u 22. Ch ng ch ch ng khoán khác

1. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác bao gồm trái phiếu, trái phiếu chuyển nhượng và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và nội quy công ty.
2. Chứng khoán trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thẻ chào bán, các chứng chứng từ và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và nội quy phát hành quy định khác.
3. Công ty không thanh toán cổ tức và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ liên quan trong 03 năm liên tiếp trừ trường hợp không có quy định phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. Việc phát hành trái phiếu cho các chứng nhân là thành viên tài chính của công ty không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 điều 127 Luật Doanh nghiệp.
5. Hội đồng quản trị có quy định về loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nội dung phi báo cáo nội dung công tác quản lý. Báo cáo phi kèm theo tài liệu và hồ sơ ghi trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
6. Trường hợp công ty chuyển phát hành trái phiếu chuyển nhượng thành chứng nhân thì thực hiện theo trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi trong nội quy trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng trái phiếu thành chứng nhân.

i u 23. S ng ký Công

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Công dân đăng ký và bản, tập dữ liệu nội dung của hai loại này tại Công ty để cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký Công dân phi có các nội dung chủ yếu như sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là thành viên; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cá nhân là thành viên; Công dân là thành viên;
 - c) Số lượng chứng nhân theo loại của Công dân, ngày đăng ký chứng nhân;
 - d) Tổng số chứng nhân chào bán, loại chứng nhân chào bán và số chứng nhân chào bán của từng loại;
 - e) Tổng số chứng nhân đã bán của từng loại và giá trị vốn chứng nhân đã góp.
3. Sổ đăng ký Công dân của lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc có thể của lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán.
Công dân có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Công dân trong giới hạn của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp công có thay đổi cách thức trưng thu phí thông báo kê khai về công ty sẽ phải nộp vào sổ đăng ký công. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc với công do không có thông báo thay đổi cách thức.

CHƯƠNG IV

CẤU TRÚC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 24. Cấu trúc quản lý

Điều lệ công ty quy định về cấu trúc quản lý và hoạt động quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và các quy định về kế toán.

- Các cơ quan quản lý của Công ty bao gồm:
 - Điều lệ công ty;
 - Hội đồng Quản trị;
 - Ban Kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc.
- Cấu trúc của Công ty chủ yếu bao gồm các thành phần sau:
 - Trụ sở chính;
 - Các Chi nhánh; văn phòng đại diện; các công ty con trực thuộc;
 - Các phòng giao dịch.
- Trụ sở chính của Công ty bao gồm:
 - Hội đồng Quản trị;
 - Ban Kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc;
 - Hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Công ty được phép mở Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, công ty con trực thuộc khi có nhu cầu và được pháp luật cho phép. Cấu trúc của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng Quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc:
 - Các Phó Tổng Giám đốc;
 - Kiểm toán trưởng;
 - Các phòng, ban nghiệp vụ;
 - Bộ phận kiểm soát nội bộ.

M c 1 - C ông, i h i ng C ông

i u 25. C ông c a Công ty

1. C ông là ng i ch s h u c a Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. C ông ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.
2. Quy n s h u c ph n và m i quy n l i h p pháp khác c a C ông c pháp lu t b o v .
3. C ông c công nh n chính th c khi óng t i n mua c ph n ho c chuy n quy n s h u ho c th a k c ph n h p pháp và c ghi tên vào S ng ký C ông c a Công ty.
4. Vi c c ng i i di n theo u quy n c a C ông t i Công ty th c hi n theo i u 140 Lu t Doanh nghi p và các quy nh có liên quan c a pháp lu t.
5. Vi c không thanh toán c các kho n n , ph m t i hay ch t, ch m d t ho t ng c a các C ông không nh h ng n các ho t ng c a Công ty.
6. Gi i h n s h u c ph n i v i các C ông c a Công ty ph i tuân th các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

i u 26. Quy n c a C ông

1. C ông s h u c ph n ph thông có các quy n sau:
 - a) Tham d và phát bi u trong các cu c h p i h i ng C ông, th c hi n quy n bi u quy t tr c t i p ho c thông qua i di n c u quy n. M i c ph n ph thông có m t phi u bi u quy t;
 - b) ng c , c thành viên H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát theo quy nh t i i u 39 và i u 56 i u l này và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;
 - c) Nh n c t c theo m c do i h i ng C ông quy t nh;
 - d) T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y theo quy nh t i i u l này và pháp lu t hi n hành;
 - e) c u tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;
 - f) c nh n thông tin v tình hình ho t ng c a Công ty theo quy nh t i i u l này;
 - g) Ki m tra các thông tin liên quan n C ông trong danh sách C ông t cách tham gia i h i ng C ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;
 - h) Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l c a Công ty, s biên b n h p i h i ng C ông và các Ngh quy t c a i h i ng C ông;
 - i) Tr ng h p Công ty gi i th ho c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào Công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các C ông lo i khác theo quy nh c a pháp lu t;
 - j) Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p;

- k) Các quy n khác theo quy nh t i i u l này và pháp lu t.
2. Ngoài các quy n quy nh trên ây, C ông ho c nhóm C ông n m gi ít nh t 10% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu (06) tháng tr lên có các quy n sau:
- a) c các thành viên H i ng Qu n tr ho c Ban Ki m soát theo quy nh t i i u 39, i u 41 và i u 56 t i i u l này;
 - b) Yêu c u tri u t p i h i ng C ông theo quy nh t i kho n 3, i u 114 Lu t Doanh nghi p;
 - c) Ki m tra và nh n b n sao ho c b n trích d n danh sách các C ông có quy n tham d và b phi u t i i h i ng C ông.
 - d) Yêu c u Ban Ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i C ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i C ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng C ông, t ng s c ph n c a c nhóm C ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;
 - e) Các quy n khác c quy nh t i i u l này và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 27. Quy n kh i ki n i v i thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c

1. C ông, nhóm C ông s h u ít nh t 1% s c ph n ph thông liên t c trong th i h n 06 tháng có quy n yêu c u Ban ki m soát kh i ki n trách nhi m dân s i v i thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c trong các tr ng h p sau ây:
 - a) Vi ph m ngh a v ng i qu n lý công ty theo quy nh t i i u 160 c a Lu t Doanh nghi p
 - b) Thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c không th c hi n úng các quy n và nhi m v c giao; không th c hi n, th c hi n không y , không k p th i quy t nh c a H i ng Qu n tr ; th c hi n các quy n và nhi m v c giao trái v i quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty ho c Ngh quy t c a i h i ng C ông;
 - c) Thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c ã s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a Công ty t l i riêng ho c ph c v cho l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - d) Thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c ã l m d ng a v, ch c v và tài s n c a Công ty t l i riêng ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - e) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty.
2. Trong th i h n 15 ngày, k t ngày nh n c yêu c u kh i ki n c a C ông, nhóm C ông quy nh t i kho n 1 i u này, Ban Ki m soát ph i tr l i b ng v n b n xác nh n ã nh n c yêu c u kh i ki n và t i n hành các th t c kh i ki n theo yêu c u.
3. Tr ng h p Ban ki m soát không kh i ki n theo yêu c u quy nh t i kho n 2 i u

này thì Công đồng, nhóm Công đồng quy định khoản 1 điều này có quy định tiếp khi
khi thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.

4. Trình tự, thủ tục khi ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam dân sự.

Điều 28. Nghĩa vụ của Công đồng

1. Công đồng phải thông qua Công ty có nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ điều lệ Công ty và các Quy chế, Quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng, Hội đồng Quản trị;
 - b) Thanh toán nghĩa vụ mua cổ phần đã ký mua theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
 - c) Không được rút vốn đã góp bằng cách phân phối thông qua Công ty để hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp Công đồng rút vốn thì phải hoàn toàn vốn góp trái với quy định này thì Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty phải cùng chịu trách nhiệm liên đới về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút;
 - d) Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua cổ phần;
 - e) Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích của Công ty và giữ bí mật các hoạt động của Công ty;
 - f) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;
 - g) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - h) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để hình thức thể hiện mặt trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích công cộng và lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản chi phí nhân sự, chi phí tài chính có thể xảy ra liên quan đến công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ của Công đồng quy định tại khoản 1, điều này, Công đồng phải trích 05% (năm phần trăm) từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trích lập quỹ là Công đồng lợi nhuận và trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày trở thành Công đồng lợi nhuận phải báo cáo Công ty, UBCKNN và SGDCK/TTGDCK liên quan đến Công ty hàng năm.
3. Công đồng phải trích 10% (mười phần trăm) từ lợi nhuận của Công ty để trích lập quỹ và người có liên quan không được trích trên năm phần trăm (5%) cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chi nhánh khác. Không được lợi dụng thẩm quyền của mình gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các công đồng khác.

Điều 29. Hội đồng Công đồng

1. Hội đồng Công đồng gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. i h i ng C ông có các quy n và ngh a v sau ây:

- a) Thông qua nh h ng phát tri n c a Công ty;
- b) Quy t nh lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán; quy t nh m c c t c hàng n m c a t ng lo i c ph n;
- c) B u, mi n nhi m, bãi nhi nhi mi h i ng C ông ph i có Thành viên Ban Kin nhi;
- d) Quy t nh u t ho c bán s tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá m tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty n u i bán s tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá mác;
- e) Quy t nh s a i, b sung i u l Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng n m;
- g) Quy t nh mua l i trên 10% t ng s c ph n ã bán c a m i lo i;
- h) Xem xét và x lý các vi ph m c a H i ng Qu n tr , Ban Ki m soát gây thi t h i cho công ty và c ông công ty;
- i) Quy t nh t ch c l i, gi i th công ty;
- j) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, pháp lu t ch ng khoán và i u l Công ty.

i h i ng c ông có th y quy n cho H i ng Qu n tr quy t nh các v n thu c th m quy n gi i quy t c a i h i ng C ông phù h p v i i u l này và các quy nh c a pháp lu t.

i u 30. Th m quy n tri u t p i h i ng C ông

1. i h i ng c ông h p th ng niên m i n m m t l n. Ngoài cu c h p th ng niên, i h i ng c ông có th h p b t th ng. a i m h p i h i ng c ông ph i trên lãnh th Vi t Nam. Tr ng h p cu c h p i h i ng c ông c t ch c ng th i nhi u a i m khác nhau thì a i m h p i h i ng c ông c xác nh là n i ch t a tham đ h p.

i h i ng c ông ph i h p th ng niên trong th i h n 04 tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính. Theo ngh c a H i ng Qu n tr , y ban Ch ng khoán Nhà n c có th gia h n, nh ng không quá 06 tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính.

i h i ng c ông thi h i ng c ông ph i h p th ng niên

- a) K ho ch kinh doanh hàng n m c a công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng n m c a công ty;
- c) Báo cáo c a H i ng Qu n tr v qu n tr và k t qu ho t ng c a H i ng Qu n tr và t ng thành viên H i ng Qu n tr ;
- d) Báo cáo c a Ban Ki m soát v k t qu kinh doanh c a Công ty, v k t qu ho t ng c a H i ng Qu n tr , T ng Giám c;
- e) Báo cáo t ánh giá k t qu ho t ng c a Ban Ki m soát và c a t ng Thành viên Ban Ki m soát;
- f) M c c t c i v i m i c ph n c a t ng lo i;

- g) Các văn bản khác thuộc thẩm quyền.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường khi hội đồng trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của các công nhân nhóm công suất 10% tổng số phần trăm thông tin trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp khi hội đồng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định ít hơn một nửa số yêu cầu quy định ít nhất và ít nhất không 3 ngày này.
- Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp khi hội đồng Công ty theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bị khởi kiện phát sinh cho Công ty.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp khi hội đồng Công ty theo quy định thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp khi hội đồng Công ty theo quy định của Luật này.
- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp khi hội đồng Công ty theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bị khởi kiện phát sinh cho công ty.
5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp khi hội đồng Công ty theo quy định thì trong 5 ngày này thì các công nhân nhóm công suất 10% tổng số phần trăm thông tin trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền khởi kiện công ty triệu tập họp khi hội đồng Công ty theo quy định của Luật này.
6. Nghĩa triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để thực hiện khi hội đồng Công ty:
- Lập danh sách công có quy định;
 - Cung cấp thông tin và ghi quy tắc liên quan đến danh sách công;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Đề nghị quy tắc an toàn khi hội đồng Công ty theo nội dung đề nghị của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các công nhân viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát.
 - Xác nhận thời gian và địa điểm họp;
 - Ghi thông báo mời họp nội dung công có quy định họp theo quy định của Luật này;
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp;
7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp khi hội đồng Công ty theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của điều này sẽ do công ty hoàn trả.

Điều 31. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Hội đồng

1. Người triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách các Công ty mời ký tên tham gia và biên quy tắc nội quy không sớm hơn 05 ngày trước ngày họp Hội đồng hoặc trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Hội đồng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
 - b) Xác nhận thời gian và địa điểm họp;
 - c) Thông báo và gửi thông báo họp Hội đồng cho tất cả các Công ty có quyền dự họp.
2. Thông báo họp Hội đồng phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan và các vấn đề thảo luận và biên quy tắc nội quy, đính kèm Biên bản họp Hội đồng. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biên quy tắc nội quy Hội đồng.
3. Đối với các Công ty đã thực hiện việc ký phiếu, thông báo họp Hội đồng có thể gửi nội thất ký, gửi công bố trên phương tiện thông tin của SGDC/TTGDCK, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương của Công ty đăng tải chính.
4. Đối với các Công ty chưa thực hiện việc ký phiếu, thông báo họp Hội đồng có thể gửi cho Công ty bằng cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bưu điện để đảm bảo ký của Công ty, hoặc để đảm bảo Công ty có cung cấp phiếu và việc gửi thông tin.

Trường hợp Công ty đã thông báo cho Công ty bằng văn bản văn fax hoặc cách thức khác, thông báo họp Hội đồng có thể gửi qua fax hoặc cách thức khác. Trường hợp Công ty là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể gửi trong phong bì dán kín gửi tay trực tiếp làm việc.
5. Người triệu tập họp Hội đồng phải gửi thông báo mời họp nội thất các Công ty trong Danh sách Công ty có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Công ty không quy định thời hạn dài hạn.
6. Trường hợp Công ty có trang thông tin internet, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng gửi tài liệu lên trang thông tin internet của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nội dung, cách thức gửi tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho Công ty yêu cầu.
7. Công ty hoặc nhóm Công ty suất 10% tổng số phần trăm thông tin trên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Hội đồng. Xuất phải làm bằng văn bản và phải gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Hội đồng. Xuất phải bao gồm nội dung và tên Công ty, số lượng và loại phần trăm số vốn, và nội dung đưa vào chương trình họp.
8. Người triệu tập họp Hội đồng có quyền chỉ định người xuất liên quan đến khoản 3, Điều này trong các trường hợp sau:
 - a) Xuất gửi không đúng thời hạn hoặc không đúng nội dung;

- b) Vào thời điểm xuất, Công hoc nhóm Công không có t i thi u 10% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng;
 - c) V n c xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng C ông bàn b c và thông qua.
9. Ng i tri u t p h p i h i ng C ông ph i ch p nh n và a các n i dung ki n ngh c a C ông hoc nhóm Công quy nh t i kho n 5, i u này vào d ki n ch ng trình và n i dung cu c h p (tr tr ng h p quy nh t i kho n 4, i u này). Ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng C ông ch p nh n.
10. H i ng Qu n tr ph i chu n b d th o Ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

i u 32. Quy n d h p i h i ng C ông

1. Công là cá nhân, ng i i di n theo u quy n c a Công là t ch c có th tr c ti p hoc u quy n b ng v n b n cho m t ng i khác d h p i h i ng C ông. Ng i c u quy n không nh t thi t là Công c a Công ty.
2. Công c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông trong tr ng h p sau ây:
 - a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
 - b) y quy n cho m t ng i khác tham d và bi u quy t t i cu c h p;
 - c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t hoc hình th c i n t khác;
 - d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua g i th , fax, th i n t .
3. Ng i c u quy n ph i xu t trình v n b n u quy n d h p tr c khi vào phòng h p. V n b n u quy n d h p ph i l p theo m u c a Công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:
 - a) Tr ng h p Công cá nhân là ng i u quy n thì ph i có ch ký c a Công ó và ng i c u quy n d h p;
 - b) Tr ng h p ng i i di n theo u quy n c a Công là t ch c là ng i u quy n thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo u quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a Công và ng i c u quy n d h p;
 - c) Trong tr ng h p khác thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a Công và ng i c u quy n d h p.
4. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i th u quy n cho lu t s hoc b n sao h p l c a th u quy n ó.
5. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 4, i u này, phi u bi u quy t c a ng i c u quy n d h p trong ph m vi c u quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:
 - a) Ng i u quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s hoc b m t n ng l c

hành vi dân sự ;

b) Người quy định nghĩa vụ về mặt pháp lý ;

c) Người quy định nghĩa vụ về mặt pháp lý của người thành viên của công ty.

- Quy định khoản 3, điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt pháp lý trong các trường hợp nêu tại khoản 4, điều này trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi khai mạc cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty.
- Trường hợp công ty chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Công ty để họp ngày khai mạc cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty thì người chuyển nhượng có quyền để họp của Hội đồng quản trị của Công ty thay thế cho người chuyển nhượng về mặt pháp lý chuyển nhượng.

Điều 33. Các điều kiện tiến hành họp Hội đồng

- Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành khi có số Công ty để họp ít nhất 51% tổng số thành viên có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có số lượng người biểu quyết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm bắt đầu khai mạc cuộc họp, Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành họp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty.
Cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành khi có thành viên tham dự là các Công ty và người biểu quyết của Công ty để họp ít nhất 33% tổng số thành viên có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành theo quy định tại khoản 2, điều này thì Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành họp trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty. Và trong trường hợp này cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành không phụ thuộc vào số Công ty và người biểu quyết của Công ty để họp, tổng số thành viên có quyền biểu quyết của các Công ty để họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Hội đồng quản trị của Công ty tiến hành có thể phê chuẩn.
- Chỉ có Hội đồng quản trị của Công ty mới có quyền thay đổi chương trình họp của Hội đồng quản trị của Công ty kèm theo thông báo mời họp trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Hội đồng

- Vào ngày tổ chức họp của Hội đồng quản trị của Công ty, Công ty phải thực hiện tất cả các công việc ký Công ty và phải thực hiện về mặt pháp lý cho tất cả các Công ty có quyền biểu quyết.
- Khi tiến hành họp của Hội đồng quản trị của Công ty, Công ty sẽ phải cho tất cả các Công ty để họp có người biểu quyết có quyền biểu quyết mặt bằng biểu quyết, trên đó có ghi số phiếu, họ và tên của Công ty, họ và tên người biểu quyết của Công ty và số phiếu biểu quyết của Công ty.
- Công ty để họp của Hội đồng quản trị của Công ty phải có quyền biểu quyết và ngay sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty không có trách nhiệm đối với Hội đồng quản trị của Công ty để họp và người biểu quyết của Công ty để họp và số phiếu biểu quyết của Công ty để họp.

4. Ch to trong cu c h p i h i ng C ông là Ch t ch H i ng Qu n tr . Tr ng h p Ch t ch H i ng Qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng Qu n tr ho c ng i c i h i ng C ông b u r a s ch trì cu c h p .

Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, Thành viên H i ng Qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch ch p b u r a Ch t a c a i h i ng C ông, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng Qu n tr . Tr ng h p b u Ch to , tên Ch to c c và s phi u b u cho Ch to ph i c công b .

5. Ch t a c m t Ban ho c m t ng i làm th ký l p biên b n h p i h i ng C ông.

6. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng C ông s mang tính phán quy t cao nh t.

7. i h i s thông qua thành ph n ban ki m phi u theo ngh c a Ch t a. S thành viên c a ban ki m phi u không quá ba (3) ng i.

8. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th ng h Ngh quy t c thu tr c, s th ph n i Ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh.

T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch to thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó.

9. Ch to i h i ng C ông có th hoãn h p i h i ngay c trong tr ng h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do Ch to quy t nh mà không c n l y ý ki n c a i h i n u nh n th y r ng:

a) Các thành viên tham d không th có ch ng i thu n t i n a i m t ch c i h i;

b) Hành vi c a nh ng ng i có m t làm m t tr t t ho c có kh n ng làm m t tr t t c a cu c h p;

c) S trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c ti n hành m t cách h p l .

Ngoài ra, Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng C ông ã có s l ng i bi u d h p c n thi t.

Th i gian hoãn t i a không quá ba (3) ngày k t ngày d nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.

10. Tr ng h p Ch t a hoãn ho c t m d ng i h i ng C ông trái v i quy nh t i kho n 9, i u này, i h i ng C ông b u m t ng i khác trong s các i bi u tham d thay th Ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h ng.

11. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng C ông m t cách h p l và có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s i bi u tham d .

12. H i ng Qu n tr Công ty có quy n yêu c u các C ông ho c i đi n c u quy n tham d i h i ng C ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng Qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có C ông ho c i đi n c u

quy định không chú tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng có thể quyết định hoặc từ chối cử ông hoặc đi nói trên tham gia hội.

13. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng Quản trị cho là thích hợp:

- a) Yêu cầu những người có mối liên hệ chính hợp với Hội đồng;
- b) Bảo đảm an toàn cho những người có mối liên hệ đó;
- c) Tạo điều kiện cho Công đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) hội.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là các quy định về các hoạt động kinh doanh hình thức khác.

14. Trong trường hợp tiếp theo Hội đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định phạm vi liên hệ có thể:

- a) Thông báo rằng liên hệ của tiến hành liên hệ ghi trong thông báo và Chi tiết liên hệ có mối liên hệ (“liên hệ chính của liên hệ”);
- b) Bất cứ, quyết định của Hội đồng hoặc đi nói về quy định không được áp dụng theo điều khoản này hoặc những người không tham gia liên hệ khác với liên hệ chính của liên hệ có thể ngừng tham dự hội;

Thông báo về việc quyết định liên hệ không cần nêu chi tiết những biện pháp quyết định theo điều khoản này.

15. Trong điều khoản này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi Công đồng sẽ coi là tham gia hội liên hệ chính của liên hệ.

Điều 35. Thông qua quy định của Hội đồng

1. Hội đồng thông qua các quy định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết sau đây:

- Thông qua biểu quyết tất cả các hợp;
- Thông qua biểu quyết tuyệt đại đa số thành viên;
- Thông qua và các phương thức khác quy định tại các điều khoản b, c, d khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được Hội đồng đi nói ít nhất 65% tổng số biểu quyết tại các công đồng được tập thành.

- Lợi ích của và các thành viên;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cấu trúc quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc lớn hơn, giá trị khác nhau do điều lệ công ty quy định.
- Thay đổi, giải thể công ty;

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được sự đồng ý của 51% tổng số phiếu bầu quy định tại các điều khoản thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của điều này.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Hội đồng được thông qua nếu được sự đồng ý của ít nhất 51% tổng số phiếu bầu quy định tại điều khoản này.
5. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định của Điều lệ, theo đúng mô hình Công ty cổ phần quy định trong Luật Doanh nghiệp và theo quy định của pháp luật về thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát; Công ty có quyền đề nghị số phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều thành viên.
6. Số phiếu bầu quy định tại Công ty có quyền bầu quy định trong Điều lệ của Công ty quy định trong pháp luật mà Công ty đã đăng ký.
7. Trường hợp tại Công ty được 100% số cổ phần có quyền bầu quy định tại Điều lệ tham dự họp thông qua việc điều chỉnh quy định của Hội đồng, thì nghị quyết của Hội đồng nhất trí thông qua được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp vì các lý do pháp lý Hội đồng không theo đúng thủ tục hoặc nội dung bầu quy định không có trong chương trình.
8. Quyết định hợp lệ của Hội đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày các Công ty và thành viên thay bằng ý kiến.
9. Thay đổi các quy định:
 - a) Các quy định của Hội đồng liên quan đến việc phân chia Công ty thành các loại cổ phần khác nhau, việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định về tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên nắm giữ ít nhất 65% quyền bầu quy định của cổ phần đã phát hành loại đó.
 - b) Việc thực hiện một cuộc họp nhất trí trên cơ sở giá trị khi có tối thiểu hai Công ty (hoặc điều chỉnh quy định của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị danh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.
 Trường hợp không có sự đồng ý nêu trên thì thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và nếu không nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phải thu vào số lượng nắm giữ và số cổ phần) có mặt tại họp thông qua việc điều chỉnh quy định được coi là số lượng yêu cầu.
 Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, nếu không nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt tại họp thông qua việc điều chỉnh yêu cầu về số phiếu kín và mức nắm giữ khi bỏ phiếu kín có mặt là số phiếu cho một cổ phần của thành viên thu loại đó.
 - c) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy thực hiện tại các quy định tại Điều 33, 34, 35 của Điều lệ này.
 - d) Trường hợp điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quy định về tỷ lệ nắm giữ cổ phần có quyền ưu đãi về mặt tài sản hoặc các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Công ty có hiệu lực thi hành kể từ ngày được

thông qua hoc t ngày có hi ul c c ghi rõ trong Ngh quy t, quy t nh ó. Ngh quy t c a i h i ng c ông ph i c thông báo n c ông có quy n d h p i h i ng c ông trong th i h n 15 ngày, k t ngày ngh quy t c thông qua; tr ng h p công ty có trang thông tin i n t , vì c g i ngh quy t có th thay th b ng vì c ng t i lên trang thông tin i n t c a Công ty.

11. Tr ng h p có C ông, nhóm C ông, thành viên H i ng Qu n tr yêu c u kh i ki n hoc tr c t i p kh i ki n i v i Ngh quy t, quy t nh ã c thông qua thì Ngh quy t b kh i ki n v n t i p t c c thi hành cho n khi Tòa án hoc Tr ng tài có quy t nh khác.

i u 36. Th m quy n và th th c l y ý ki n C ông b ng v n b n

1. H i ng Qu n tr có quy n l y ý ki n C ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng C ông b t c lúc nào n u xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
2. H i ng Qu n tr ph i chu n b phi ul y ý ki n, d th o quy t nh c a i h i ng C ông và các tài li u gi i trình d th o quy t nh. Phi ul y ý ki n kèm theo d th o quy t nh và tài li u gi i trình ph i c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch th ng trú c a t ng C ông;
3. Phi ul y ý ki n ph i có các n i dung ch y u sau ây:
 - a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y phép thành l p và ho t ng, n i ng ký kinh doanh c a Công ty;
 - b) M c ích l y ý ki n;
 - c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u hoc ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a C ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p hoc s ng ký kinh doanh c a C ông hoc i di n theo u quy n c a C ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a C ông;
 - d) V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;
 - e) Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n;
 - f) Th i h n ph i g i v Công ty phi ul y ý ki n ã c tr l i;
 - g) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng Qu n tr và ng i i di n pháp lu t.
4. C ông có th g i phi ul y ý ki n ã tr l i n công ty theo m t trong các hình th c sau ây:
 - a) G i th . Phi ul y ý ki n ã c tr l i ph i có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i di n theo y quy n hoc ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c. Phi ul y ý ki n g i v công ty ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u;
 - b) G i fax hoc th i n t . Phi ul y ý ki n g i v công ty qua fax hoc th i n t ph i c gi bí m t n th i i m ki m phi u.
5. Các Phi ul y ý ki n g i v Công ty sau th i h n ã xác nh t i n i Dung phi ul y ý ki n hoc ã b m trong tr ng h p g i th và b t i t l trong tr ng h p g i fax, th i n t là không h p l ; Phi ul y ý ki n không g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t.

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu đểisch ng ki n c a Ban Kiểm soát hoặc của Công đồng không nắm giữ chức vụ quản lý tại Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lý giải thông qua nghị quyết;
 - c) Số Công đồng và tổng số phiếu bầu quy tắc tham gia bầu quy tắc, trong đó phân biệt số phiếu bầu quy tắc hợp lệ và số phiếu bầu quy tắc không hợp lệ, kèm theo ph lục danh sách Công đồng tham gia bầu quy tắc;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến về vấn đề;
 - e) Các quy tắc nào được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đi diễn theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và các thành viên giám sát kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy tắc nào được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải công bố trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin internet, việc công bố biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin internet của công ty;
9. Phiếu lý giải kiến nghị của cử tri, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết nào được thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo phiếu lý giải kiến nghị của cử tri gửi trụ sở chính của Công ty;
10. Quy tắc nào được thông qua theo hình thức lý giải kiến nghị bằng văn bản có giá trị như quy tắc nào được thông qua tại cuộc họp hội đồng Công đồng.

Điều 37. Biên bản họp hội đồng Công đồng

1. Nội dung cuộc họp hội đồng Công đồng được ghi vào biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể có bằng tiếng nước ngoài, gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nội dung ký kinh doanh của Công ty;
 - b) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - c) Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
 - d) Tóm tắt diễn biến trong cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại hội đồng Công đồng và từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e) Số Công đồng và tổng số phiếu bầu quy tắc của các Công đồng đề xuất, ph lục danh sách người ký Công đồng, người diễn Công đồng đề xuất và số phiếu bầu từng người;
 - f) Tổng số phiếu bầu quy tắc về vấn đề bầu quy tắc, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

g) Các quy định nêu trên thông qua;

h) Hội đồng, tên, chức ký của Chủ tịch và Thành viên của Hội đồng.

Biên bản nội dung họp Hội đồng và tài liệu có liên quan pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản Hội đồng và tài liệu có liên quan thì nội dung trong biên bản Hội đồng có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Hội đồng phải làm xong và thông qua trước khi bắt đầu cuộc họp.
3. Chủ tịch và Thành viên của Hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại Hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản của các thành viên theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi ghi biên bản.
4. Biên bản họp Hội đồng phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, và gửi kèm các Công văn có quy định đính kèm trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Hội đồng kết thúc.
5. Biên bản họp Hội đồng, các bản ghi chép, sơ ký của các Công đồng đính kèm và văn bản quy định tham dự, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải gửi kèm theo hồ sơ chính Công ty.
6. Hiệu lực các nghị quyết của Hội đồng:
 - a) Các nghị quyết của Hội đồng có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc thời điểm hiệu lực ghi trong nghị quyết.
 - b) Các nghị quyết của Hội đồng được thông qua bằng 100% tổng số phiếu có quy định quy định là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình thảo luận và thông qua nghị quyết đó không có thành viên phản đối.
 - c) Trường hợp có Công đồng, nhóm Công đồng yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của các quan có thẩm quyền.

Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ quy định của Hội đồng

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Hội đồng hoặc Biên bản kết quả kiểm tra nội dung của Công đồng, Công đồng, nhóm Công đồng chiếm 10% tổng số phiếu phổ thông trình lên trong thời hạn liên tục 06 tháng có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình thảo luận và thảo luận nội dung họp Hội đồng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan;
2. Trình thảo luận, thảo luận ra quyết định và nội dung quy định vi phạm quy định của pháp luật hoặc nội dung Công đồng.

Trường hợp quy định của Hội đồng bị hủy bỏ theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, nghị quyết nội dung họp Hội đồng bị hủy bỏ có thể xem

xét t ch c t i i h i ng c ông trong vòng chín m i (90) ngày theo trình t , th t c quy nh.

M c 2 - H i ng Qu n tr

i u 39. S l ng, nhi m k và nguyên t c c , ng c H i ng Qu n tr

1. H i ng Qu n tr là c quan qu n tr c a Công ty, có toàn quy n nhân danh Công ty quy t nh các v n liên quan n m c ích, quy n l i c a Công ty, tr nh ng v n thu c th m quy n c a i h i ng C ông.
2. S l ng thành viên H i ng Qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. S l ng thành viên H i ng Qu n tr c th do i h i ng C ông Công ty quy t nh. Trong tr ng h p Công ty l a ch n mô hình qu n lý không có Ban Ki m soát thì ít nh t 20% s thành viên H i ng Qu n tr ph i là thành viên c l p và có Ban ki m toán n i b tr c thu c H i ng Qu n tr . Công ty s t i n hành s a i quy nh v Thành viên H QT c l p theo Lu t Doanh nghi p và pháp lu t ch ng khoán.
3. Nhi m k c a H i ng Qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng Qu n tr không quá n m (05) n m, thành viên H i ng Qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . Tr ng h p có thành viên c b u b sung ho c thay th thành viên H i ng Qu n tr b m i n nhi m, bãi nhi m trong th i h n nhi m k thì nhi m k c a thành viên ó là th i h n còn l i c a nhi m k H i ng Qu n tr . H i ng Qu n tr v a k t thúc nhi m k ph i t i p t c ho t ng cho n khi H i ng Qu n tr m i c b u và t i p qu n công vi c.
4. Nguyên t c c , ng c vào H i ng Qu n tr :
 - a) Các C ông n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng Qu n tr .
 - b) C ông ho c nhóm C ông n m gi d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 01 thành viên;
 - c) C ông ho c nhóm C ông n m gi t 10% n d i 30% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 02 thành viên;
 - d) C ông ho c nhóm C ông n m gi t 30% n d i 50% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 03 thành viên;
 - e) C ông ho c nhóm C ông n m gi t 50% n d i 65% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c 04 thành viên;
 - f) C ông ho c nhóm C ông n m gi t 65% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên trong th i h n liên t c ít nh t sáu (6) tháng c c s thành viên đ ki n b u.
5. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng Qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng Qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do Công ty quy nh. C ch c hay cách th c H i ng Qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng Qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng C ông thông qua tr c khi t i n hành

c .

6. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn t cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
- Thành viên ó không t cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy nh của Luật Doanh nghiệp, i u l này ho c b luật pháp c m không c làm thành viên Hội đồng Quản trị ;
 - Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a Hội đồng Quản trị có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Hội đồng Quản trị liên t c trong vòng sáu tháng, và trong th i gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy tr ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - Thành viên ó b cách ch c thành viên Hội đồng Quản trị theo quy t nh c a i h i ng Công.

Các trường hợp quy nh t i i m a, b, c, d trên ây, Thành viên Hội đồng Quản trị s không còn t cách thành viên ngay sau khi Hội đồng Quản trị có quy t nh xác nh n Thành viên ó ã không còn t cách thành viên mà không c n có s phê chu n c a i h i ng Công.

i u 40. Quy nh n và nhi m v c a Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là c quan có y quy nh n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng v n thu c th m quy n c a i h i ng Công, ch u trách nhi m tr c các Công v k t qu ho t ng c a Công ty. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s qu n lý ho c ch o th c hi n c a Hội đồng Quản trị .

Quy nh n và ngh a v c a Hội đồng Quản trị do luật pháp, i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t nh c a i h i ng Công quy nh. C th , Hội đồng Quản trị có nh ng quy nh n và nhi m v sau:

- Trình i h i Công thông qua:
 - nh h ng phát tri n c a Công ty;
 - K ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ngân sách hàng n m;
 - S a i, b sung i u l c a Công ty;
 - T ng, gi m v n i u l c a Công ty;
 - Các lo i c phi u có th phát hành và t ng s c phi u phát hành theo t ng lo i;
 - Phát hành trái phi u chuy n i và các ch ng quy n cho phép ng i s h u mua c phi u theo m c giá nh tr c;
 - M c c t c hàng n m;
 - Báo cáo tài chính ã c ki m toán hàng n m;
 - Ph ng án phân ph i, s d ng l i nhu n và trích l p các qu ;
 - L a ch n công ty ki m toán c l p cho n m tài chính t p theo;

- k) Kì nghỉ vì chết bệnh, nghỉ ốm do yêu cầu pháp nhân của Công ty;
 - l) Các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quy định tại Điều 29, Điều này và theo quy định của pháp luật.
2. Quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều này vì lợi ích của Công ty, Công đồng;
 3. Xác định các mức tiêu chuẩn trên cơ sở các mức tiêu chuẩn của Hội đồng Công đồng thông qua;
 4. Quy định ghi pháp phát triển thương mại, kỹ thuật và công nghệ;
 5. Giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
 6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và quy định nhân sự và lợi ích khác của Hội đồng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; và các cán bộ quản lý khác của Công ty thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng Quản trị theo đúng các quy định của pháp luật; Công đồng chỉ định theo quy định thành viên quy định số lượng thành viên góp Công ty khác; quy định nhân sự lao động và lợi ích của nhân viên công ty.
 7. Quy định các chế độ của Công ty;
 8. Giám định quy định các khoản của Công ty và Hội đồng Giám đốc quy định nhân sự của Công ty và Hội đồng Giám đốc quy định các văn bản liên quan tới các thủ tục pháp lý của Hội đồng Giám đốc;
 9. Quy định giá và thời hạn chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các loại chứng khoán chuyển nhượng khác của Công ty;
 10. Quy định về việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mệnh giá cổ phiếu theo quy định tại Điều này và các quy định có liên quan của pháp luật;
 11. Quy định giá mua hoặc thu hồi cổ phiếu của Công ty;
 12. Quy định mức thuế thu nhập và thuế cổ tức;
 13. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia cổ tức theo quy định của Hội đồng Công đồng;
 14. Thông qua Hợp đồng mua bán vay, cho vay và Hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính hàng năm kế toán hàng năm. Quy định này không áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều khoản 2 Điều 135, và khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 15. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Công ty theo quy định tại khoản 3 Điều 67 tại Điều này;
 16. Nhiệm vụ sau đây phải của Hội đồng Quản trị phê duyệt:
 - a) Thành lập chi nhánh, công ty con hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại Điều khoản 2 Điều 13, khoản 1 và khoản 2 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng Công đồng phê duyệt, Hội đồng Quản trị tùy theo thời hạn quy định về việc thành lập, sáp nhập và huỷ bỏ các hợp đồng, giao dịch của Công ty (bao gồm các hợp đồng, giao dịch mua, bán, sáp nhập,

thâu tóm Công ty và liên doanh);

- d) Chênh lệch và bất bình đẳng trong việc phân phối lợi ích Công ty ưu tiên là lợi ích của các nhà đầu tư và Lu t s c a Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thanh toán, bỏ ra, bỏ lãnh và bị thiệt hại của Công ty;
 - f) Các khoản nợ không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 tháng Việt Nam hoặc các khoản nợ vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g) Việc nhận giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành chứng khoán hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quy định như các khoản phí có sự chênh lệch thu nhập trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
17. Hội đồng Quản trị phải báo cáo định kỳ Hội đồng Công vụ hoặc Hội đồng của mình, cũng là việc giám sát của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám đốc và nhân sự quản lý khác trong năm tài chính.
18. Thời điểm các báo cáo định kỳ định kỳ chi tiết nhiệm vụ kiểm soát rủi ro và quản trị rủi ro như quy định chính sách chi tiêu của quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá và sự phù hợp của hệ thống quản trị rủi ro đã đề cập trong Công ty;
19. Phê duyệt các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Hội đồng Giám đốc trình;
20. Có quy định quy định quy định của Hội đồng Giám đốc và Ban Hội đồng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy định nào, và việc ưu tiên quy định đó là có sự ưu tiên.
21. Trong khi luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền bổ nhiệm và bổ nhiệm cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý định kỳ công việc thay mặt cho Công ty.
22. Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Là Công dân nhân sự ít nhất 5% tổng số phần trăm thông tin của người khác không phải là Công dân Công ty như có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán;
3. Có sức khỏe, có tác phong làm việc tốt, trung thực, liêm khiết;
4. Không có tình trạng làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác;
5. Không có tình trạng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc định kỳ theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không định kỳ là thành viên không nằm trong danh sách

đi u hành nào trong Công ty, tức là không đ ng th i là thành viên Ban T ng Giám c, K toán tr ng ho c cán b qu n lý khác c H i ng Qu n tr b nh i m.

7. Các đi u ki n khác theo quy nh c a pháp lu t có liên quan.

đ i u 42. Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng Qu n tr

1. H i ng Qu n tr l a ch n trong s các thành viên H i ng Qu n tr b u ra m t Ch t ch H i ng Qu n tr và m t s Phó Ch t ch H i ng Qu n tr theo nguyên t c quá bán.

2. Tr khi i h i ng C ô ng quy t nh khác, Ch t ch H i ng Qu n tr s không kiêm ch c T ng Giám c c a Công ty.

Ch t ch H i ng Qu n tr kiêm nhi m ch c T ng Giám c phi c phê chu n hàng n m t i i h i ng C ô ng th ng niên.

3. Quy n h n và nhi m v c a Ch t ch H i ng Qu n tr :

a) T ch c th c hi n các Ngh quy t c a i h i ng C ô ng, Ngh quy t và Quy t nh c a H i ng Qu n tr ;

b) Tri u t p và Ch t a các cu c h p H i ng Qu n tr , i h i ng C ô ng, tr tr ng h p i h i C ô ng do Tr ng Ban Kì m soát tri u t p ho c i h i c tri u t p theo quy nh t i i m d, kho n 3, đ i u 30, đ i u l này;

c) Chu n b n i dung, ch ng trình các cu c h p H i ng Qu n tr và cu c h p i h i ng C ô ng;

d) T ch c l y ý ki n H i ng Qu n tr b ng v n b n trong tr ng h p không t ch c h p H i ng Qu n tr ;

e) Thay m t H i ng Qu n tr phê duy t và ký ban hành các v n b n thu c trách nhi m c a H i ng Qu n tr ; giám sát ho c t ch c giám sát vi c th c hi n các v n b n ó;

f) Quy t nh và th c hi n các v n c H i ng Qu n tr y quy n;

g) L p k ho ch và phân công các thành viên H i ng Qu n tr th c hi n vi c kì m tra, giám sát các ho t ng c a Công ty;

h) Kì m tra, giám sát m i ho t ng c a Công ty và ình ch ho c hu b các quy t nh c a b máy đi u hành Công ty n u trái Pháp lu t, trái đ i u l , trái Ngh quy t c a i h i ng C ô ng, trái Ngh quy t, Quy t nh c a H i ng Qu n tr ;

i) Ký v n b n u quy n cho m t trong s các thành viên H i ng Qu n tr m nhi m công vi c c a mình trong th i gian v ng m t;

j) Có trách nhi m m b o vi c H i ng Qu n tr g i Báo cáo tài chính hàng n m, báo cáo ho t ng c a Công ty, báo cáo kì m toán và báo cáo kì m tra c a H i ng Qu n tr cho các C ô ng t i i h i ng C ô ng;

k) Th c hi n các quy n h n và nhi m v khác theo quy nh t i đ i u l này và quy nh c a pháp lu t.

4. Phó Ch t ch là ng i giúp vi c cho Ch t ch trong m t s l nh v c c phân công. Phó Ch t ch có các quy n và ngh a v nh Ch t ch trong tr ng h p c Ch t ch

u quy n nh ng ch trong tr ng h p Ch t ch ã thông báo cho H i ng Qu n tr r ng mình v ng m t ho c ph i v ng m t vì nh ng lý do b t kh kháng ho c m t kh n ng th c hi n nhi m v c a mình. Trong tr ng h p nêu trên Ch t ch không ch nh Phó Ch t ch hành ng nh v y, các thành viên còn l i c a H i ng Qu n tr s ch nh m t Phó Ch t ch.

Tr ng h p c Ch t ch và Phó Ch t ch t m th i không th th c hi n nhi m v c a h vì lý do nào ó, H i ng Qu n tr có th b nhi m m t ng i khác trong s h th c hi n nhi m v c a Ch t ch theo nguyên t c a s quá bán.

i u 43. Quy n h n và nhi m v c a thành viên H i ng Qu n tr

1. Th c hi n nhi m v , quy n h n theo quy nh c a pháp lu t và quy nh t i i u l này;
2. Th c thi nhi m v theo s phân công c a Ch t ch H i ng Qu n tr ;
3. B u, mi n nhi m, bãi nhi m ch c danh Ch t ch H i ng Qu n tr ;
4. Nghiên c u, ánh giá tình hình, k t qu ho t ng và óng góp vào vi c xây d ng ph ng h ng, k ho ch ho t ng kinh doanh c a Công ty trong t ng th i k ;
5. Tham d các cu c h p c a H i ng Qu n tr ; th o lu n và bi u quy t các v n thu c n i dung cu c h p; ch u trách nhi m cá nhân tr c pháp lu t, tr c i h i ng C ông và tr c H i ng Qu n tr v nh ng ý ki n c a mình;
6. Th c hi n các Ngh quy t c a i h i ng C ông và c a H i ng Qu n tr ;
7. Hai thành viên H i ng Qu n tr tr lên có quy n tri u t p h p H i ng Qu n tr b t th ng;
8. Ch p hành các quy nh c a pháp lu t và i u l này.
9. Các quy n h n và nhi m v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này

i u 44. Thù lao và l i ích c a thành viên H i ng Qu n tr

1. Thành viên H i ng Qu n tr c nh n thù lao cho công vi c c a mình v i t cách là thành viên H i ng Qu n tr . T ng m c thù lao do i h i ng C ông quy t nh. Kho n thù lao này s c chia cho các thành viên H i ng Qu n tr theo tho thu n ho c chia u trong tr ng h p không tho thu n c.
2. Thành viên H i ng Qu n tr n m gi ch c v i u hành ho c làm vi c t i các t i u ban c a H i ng Qu n tr , ho c th c hi n nh ng công vi c khác mà theo quan i m c a H i ng Qu n tr là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên H i ng Qu n tr , có th c tr thêm t i n thù lao đ i d ng m t kho n t i n công tr n gói theo t ng l n, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c đ i hình th c khác theo quy t nh c a H i ng Qu n tr .
3. Thành viên H i ng Qu n tr c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên H i ng Qu n tr c a mình, bao g m c các chi phí trong vi c t i d các cu c h p H i ng Qu n tr , các t i u ban c a H i ng Qu n tr ho c i h i ng C ông. Các kho n chi phí này c tính vào chi phí ho t ng c a Công ty.

Thù lao c a H i ng Qu n tr ph i c th hi n thành m c riêng trong Báo cáo tài

chính hàng năm và phải báo cáo hiệu quả Công tác chấp hành năm.

i u 45. Các chấp hành Hội đồng Quản trị

1. Trưởng ban Hội đồng Quản trị và Chủ tịch thì chấp hành nhiệm vụ Hội đồng Quản trị và ra các quyết định khác theo thẩm quyền phải tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Chấp hành này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất ưu tiên. Trưởng ban có nhiệm vụ hướng dẫn thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số ứng cử viên chấp hành Hội đồng Quản trị.
2. Các chấp hành viên: Hội đồng Quản trị họp nhằm mục đích (họ có thể họp theo quy định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong nhiệm kỳ) và có thể triệu tập họp bất thường kịp thời để giải quyết các công việc đột xuất. Chủ tịch phải triệu tập các chấp hành viên Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến.
3. Các chấp hành viên: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không có trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các ứng cử viên này vắng mặt trình bày mục đích chấp hành và các vấn đề cần bàn:
 - a) Trưởng ban Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
 - b) Hai thành viên Hội đồng Quản trị trở lên;
 - c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - d) Các thành viên Ban Kiểm soát.
4. Các chấp hành viên Hội đồng Quản trị nêu từ ba đến năm, từ nay phải tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có quyết định.

Trưởng ban Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp hành nhiệm vụ theo nghị quyết Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về nghị quyết thì xin ý kiến của Công ty; nghị quyết chấp hành theo quy định thì ý kiến của ba đến năm ứng cử viên này có thể triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trưởng ban có yêu cầu các kỹ thuật viên lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bàn và báo cáo kỹ thuật và tình hình Công ty.
6. Địa điểm: Các chấp hành viên Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành họp tại Văn phòng Công ty hoặc nơi khác. Văn phòng Nam hoặc nơi khác ngoài quy định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và việc họp này có thể có hình thức khác.

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải làm bằng văn bản gửi Văn phòng và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo nghị quyết tài liệu cần thiếp vụ như văn bản số cần bàn bạc và biên quy định về chấp hành và các phụ lục quy định cho nghị quyết thành viên Hội đồng Quản trị không thể thiếu.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác,

những phi bố m n c a ch c a t ng thành viên H i ng Qu n tr c
ng ký t i Công ty.

8. S thành viên tham d t i thi u:

- a) Cu c h p c a H i ng Qu n tr theo gi y tri u t p l n th nh t c t i n hành khi có t ba ph n t (3/4) t ng s thành viên H i ng Qu n tr ho c qua ng i i di n thay th tr lên d h p.
- b) Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh t i m c a) kho n 8 i u này không s thành viên d h p theo quy nh, thì c tri u t p l n th hai trong th i h n b y (07) ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Trong tr ng h p này, cu c h p c t i n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng Qu n tr ho c qua ng i i di n thay th d h p.

9. Bi u quy t:

a) Tr quy nh t i i m b, kho n này, m i thành viên H i ng Qu n tr ho c ng i c u quy n tr c t i p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng Qu n tr s có m t phi u bi u quy t; Thành viên không tr c t i p d h p có quy n bi u quy t thông qua b phi u b ng v n b n.

b) Thành viên H i ng Qu n tr không c bi u quy t v các h p ng, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty.

M t thành viên H i ng s không c tính vào s l ng i bi u t i thi u c n thi t có m t có th t ch c m t cu c h p H i ng Qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

c) Theo quy nh t i i m d, kho n này, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng Qu n tr liên quan n m c l i ích c a thành viên H i ng Qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng Qu n tr ó, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch to cu c h p và phán quy t c a ch to liên quan n t t c các thành viên H i ng Qu n tr khác s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m v i l i ích c a thành viên H i ng Qu n tr liên quan ch a c công b m t cách thích áng;

d) Thành viên H i ng Qu n tr h ng l i t m th p ng c quy nh t i i u l này s c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.

10. Công khai l i ích: Thành viên H i ng Qu n tr tr c t i p ho c gián t i p c h ng l i t m th p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang d ki n ký k t v i Công ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s ph i công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng Qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này.

Thành viên này có th công khai i u ó t i cu c h p u tiên c a H i ng Qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng liên quan.

11. Bi u quy t a s : H i ng Qu n tr thông qua các Ngh quy t và ra quy t nh b ng cách tuân theo ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng Qu n tr có m t (trên

50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.

12. Thành viên Hội đồng quản trị coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ủy quyền cho người khác nhận ủy quyền theo quy định khoản 10 điều 153 Luật Doanh nghiệp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức tuyển hoặc hình thức thông tin khác;
- Gửi phiếu biểu quyết về cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết về cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải niêm phong bì kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất từ giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chưa niêm phong sẽ không được tính.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua nếu có sự tán thành của thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của cùng thiểu số phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:

- Thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;
- Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết của các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ. Nghị quyết có thể thông qua bằng cách sử dụng nhiều biện pháp cùng một văn bản nếu một số ít nhất từ chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và người biên bản số phải xem xét, phê duyệt và xác định nội dung công việc đã thực hiện trong các cuộc họp trước khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị có lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, ngày ký kinh doanh;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người ủy quyền.

- h p, các thành viên v n g m t và lý do v n g m t;
- e) Các v n c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p;
 - f) Tóm t t ý ki n c a các thành viên H i ng Qu n tr d h p;
 - g) K t qu bi u quy t trong ó ghi rõ nh ng thành viên tán thành, không tán thành và không có ý ki n;
 - h) Các Ngh quy t, quy t nh c thông qua;
 - i) H tên, ch ký c a t t c các thành viên H i ng Qu n tr ho c ng i c u quy n d h p. Tr ng h p thành viên H i ng Qu n tr d h p không ký vào biên b n thì ph i ghi rõ lý do, n u không ghi lý do thì các bi u quy t c a thành viên ó i v i các n i dung t i cu c h p coi nh không có giá tr .

Biên b n h p H i ng Qu n tr ph i c chuy n cho t t c các thành viên H i ng Qu n tr trong th i h n b y (07) ngày k t ngày k t thúc cu c h p.

Biên b n h p H i ng Qu n tr và các tài li u s d ng trong cu c h p ó ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

15. Nh ng ng i c m i d h p H i ng Qu n tr : Các thành viên Ban Ki m soát, T ng Giám c và các cán b qu n lý, chuyên gia khác có th c H i ng Qu n tr m i d các cu c h p mà H i ng Qu n tr th y c n thi t. Nh ng ng i c m i d h p không c tham gia bi u quy t.
16. Tr ng h p không th t ch c h p, Ch t ch H i ng Qu n tr quy t nh vi c l y ý ki n các thành viên H i ng Qu n tr b ng v n b n, m i thành viên H i ng Qu n tr có 01 phi u bi u quy t. V n b n l y ý ki n H i ng Qu n tr ph i có các n i dung sau:
 - a) Tên, a ch tr s chính c a Công ty, s và ngày c p Gi y phép thành l p và ho t ng, n i ng ký kinh doanh;
 - b) M c ích l y ý ki n; Th i h n l y ý ki n;
 - c) Các n i dung l y ý ki n các thành viên H i ng Qu n tr ;
 - d) Ý ki n c a thành viên H i ng Qu n tr c l y ý ki n và bi u quy t tán thành hay không tán thành;
 - e) H tên, ch ký c a Ch t ch H i ng Qu n tr và thành viên H i ng Qu n tr c l y ý ki n.

Ban Th ký H i ng Qu n tr có trách nhi m t ng h p v n b n l y ý ki n c a các thành viên H i ng Qu n tr l p Ngh quy t c a H i ng Qu n tr . Ngh quy t ph i c chuy n cho t t c các thành viên H i ng Qu n tr trong th i h n b y (7) ngày k t ngày k t thúc vi c l y ý ki n.

Ngh quy t, các v n b n l y ý ki n và các tài li u s d ng trong vi c l y ý ki n thành viên H i ng Qu n tr ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

17. Các ti u ban c a H i ng Qu n tr : H i ng Qu n tr có th thành l p và u quy n hành ng cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng Qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng Qu n tr .

Trong quá trình thực hiện quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đưa ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiêu chuẩn nêu trên và cho phép người có quy định bị quy định về cách thành viên của tiêu chuẩn như người làm báo cáo viên sau:

- a) Số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa số thành viên của tiêu chuẩn;
- b) Nghị quyết của các tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và bị quy định về tiêu chuẩn của tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng Quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quy định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiêu chuẩn trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên tiêu chuẩn Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể từ trong trường hợp vì vậy, chỉ những thành viên của tiêu chuẩn hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 46. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chức vụ Hội đồng Quản trị được bổ nhiệm cho Chức vụ phải có người là Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận nhiệm vụ, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Chức vụ Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật này.

2. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên do việc Hội đồng Quản trị quyết định hoặc không bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thì phải bổ sung theo quy định của pháp luật, thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Trường hợp Chức vụ Hội đồng Quản trị được miễn nhiệm một cách tự nhiên, hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Phó Chức vụ thay thế theo nguyên tắc sau.

Trường hợp Chức vụ và Phó Chức vụ Hội đồng Quản trị tự nhiên, hoặc bãi miễn hoặc được miễn nhiệm một cách tự nhiên thì Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm trong các thành viên còn lại thay thế.

Việc bổ sung Chức vụ Hội đồng Quản trị mới thay thế Chức vụ Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc được miễn nhiệm một cách tự nhiên phải thực hiện trong thời hạn chậm nhất là mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này.

4. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị không còn thẩm quyền thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới thay thế chức vụ và thành viên mới này phải được chấp thuận từ Hội đồng Bổ sung ngay tiếp sau đó. Sau khi Hội đồng Bổ sung chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp Hội đồng Bổ sung không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất thẩm quyền thành viên Hội đồng Quản trị, những người bị quy định của thành viên này trong thời gian tạm lúc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm những người khác Hội đồng ra quyết định không chấp thuận về công nhận là có giá trị pháp lý và những Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua trong thời gian

này sẽ không bị vô hiệu.

5. Nhiệm vụ của Ban Giám đốc Công ty và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và phân bổ nhiệm vụ ngay công việc của các danh sách. Ban Giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Ban Giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị mới; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định của mình trong thời gian có trách nhiệm của danh sách.

Điều 47. Ban Thư ký Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc là Ban Thư ký (hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị) làm việc theo quy định của Công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Ban Thư ký phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a) Trợ giúp tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng Công đồng theo lệnh của Ban Giám đốc Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - b) Ghi chép và lập biên bản các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức và quản lý hồ sơ các cuộc họp Hội đồng Công đồng, Hội đồng Quản trị;
 - d) Thu thập tài liệu, cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - e) Lưu giữ các tài liệu, văn kiện của Hội đồng Công đồng và Hội đồng Quản trị;
 - f) Theo dõi các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hội đồng Quản trị.
3. Số lượng cán bộ làm việc tại Ban Thư ký, chi phí hoạt động, tín dụng, thẩm quyền của cán bộ làm việc tại Ban Thư ký do Hội đồng Quản trị quyết định. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty.
4. Người làm việc tại Ban Thư ký không được đồng thời làm việc cho Công ty kế toán theo chế độ làm việc kế toán Công ty.
5. Ban Thư ký có trách nhiệm báo cáo thông tin theo quy định của pháp luật và nội quy này.

Điều 48. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng Quản trị

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thể hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a) Đánh giá mức độ chấp hành và tuân thủ các chính sách pháp luật, nội quy, các quy định của Hội đồng Công đồng, Hội đồng Quản trị;
 - b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trước Thủ tục Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c) Đánh giá việc tuân thủ các hoạt động kinh doanh về việc các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

- e) đánh giá vi c tuân th các quy nh pháp lu t, ki m soát các bi n pháp m b o an toàn tài s n;
- f) đánh giá ki m toán n i b thông qua tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- g) đánh giá quy trình xác nh, đánh giá và qu n lý r i ro kinh doanh;
- h) đánh giá hi u qu c a các ho t ng;
- i) đánh giá vi c tuân th các cam k t trong h p ng;
- j) Th c hi n ki m soát h th ng công ngh thông tin;
- k) i u tra các vi ph m trong n i b Công ty;
- l) Th c hi n ki m toán n i b Công ty và các công ty con.

2. Ch c n ng và nguyên t c ho t ng c a B ph n Qu n tr r i ro

- a) Quy nh chính sách, chỉ n l c qu n lý r i ro; các tiêu chu n đánh giá r i ro; m c r i ro t ng th c a Công ty và t ng b ph n trong Công ty;
- b) đánh giá m t cách c l p v s phù h p và tuân th các chính sách quy trình r i ro ã c thi t l p trong Công ty;
- c) Ki m tra, xem xét và đánh giá s y , hi u qu và hi u l c c a h th ng qu n tr r i ro th c thu c Ban T ng Giám c nh m hoàn thi n h th ng này;
- d) Ch c n ng khác c a Công ty t quy nh phù h p v i pháp lu t hi n hành.

3. Yêu c u v nhân s c a B ph n Ki m toán n i b

- a) Không ph i là ng i ã t ng b x ph t t m c ph t ti n tr lên i v i các hành vi vi ph m trong l nh v c ch ng khoán, ngân hàng, b o hi m, trong vòng n m (05) n m g n nh t tính t i n m c b nhi m;
- b) Tr ng B ph n Ki m toán n i b ph i là ng i có trình chuyên môn v lu t, k toán, ki m toán; Có kinh nghi m, uy tín, th m quy n th c thi có hi u qu nhi m v c giao;
- c) Không ph i là ng i có liên quan n các tr ng b ph n chuyên môn, ng i th c hi n nghi p v , T ng Giám c, Phó T ng Giám c, Giám c Chi nhánh Công ty;
- d) Có Ch ng ch Nh ng v n c b n v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và Ch ng ch Pháp lu t v ch ng khoán và Th tr ng Ch ng khoán ho c Ch ng ch hành ngh ch ng khoán;
- e) Không kiêm nhi m các công vi c khác trong Công ty.

M c 3 - T ng Giám c và Cán b qu n lý khác

i u 49. T ch c b máy qu n lý

Công ty s ban hành m t h th ng qu n lý mà theo ó b máy qu n lý s ch u trách nhi m và n m d i s lãnh o c a H i ng Qu n tr .

Công ty có m t T ng Giám c và m t s Phó T ng Giám c và m t K toán tr ng do H i ng Qu n tr b nhi m. T ng Giám c và các Phó T ng Giám c có th ng th i

là thành viên Hội đồng Quản trị, và các Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một Nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 50. Cán bộ quản lý

1. Theo nghị quyết của Tổng Giám đốc và các sơ đồ tổ chức của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết cho phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị xuất tuýt quyết định. Cán bộ quản lý phải có số lượng cần thiết các hoạt động và trách nhiệm của Công ty theo các mức tiêu chuẩn.
2. Mục tiêu, tiến độ lao động, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động và các điều kiện quản lý thu nhập quy định quản lý của Hội đồng Quản trị sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở chính sách của Công ty.

Điều 51. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc của Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là người đứng đầu hành động vì lợi ích kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực tiếp pháp luật về các thủ tục hành chính các quy định và nhiệm vụ giao.
2. Nhiệm vụ của Tổng Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b) Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm người đi nhiệm theo quy định;
 - c) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 9, Điều 1 này;
 - d) Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bất tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bất tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bất tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất kháng theo quy định của pháp luật;
 - e) Có sức khỏe, không mắc bệnh tật, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - f) Có bằng cấp hoặc trên trình độ chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, quản trị kinh doanh;
 - g) Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc điều kiện các chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 79 Luật Chứng khoán;
 - h) Không phải là người hành nghề bất UBCKNN thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 80 Luật Chứng khoán;

- i) Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp;
- j) Không có nghĩa vụ làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) bất kỳ doanh nghiệp khác.

Điều 52. Quy định và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có những quy định và nhiệm vụ sau:

- a) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và chỉ đạo Công ty, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và chỉ đạo Công ty thông qua;
- b) Quy định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, thuê và điều hành hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý thông thường; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- c) Kiểm soát ngân sách và các loại cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm của Hội đồng Quản trị mà Công ty cần thuê Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động công nghệ các công cụ quản lý tốt do Hội đồng Quản trị xuất, và tận dụng Hội đồng Quản trị quy định về công nghệ, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d) Quy định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm; tuyển dụng và miễn nhiệm áp dụng cho những cán bộ quản lý và các cán bộ nhân viên khác không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị.
- e) Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị quy định về lương, thưởng, phúc lợi, trách nhiệm, miễn nhiệm và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- f) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở áp dụng các yêu cầu của ngân sách phù hợp công nghệ kế hoạch tài chính năm (5) năm;
- g) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm của chỉ đạo Công ty và Hội đồng Quản trị thông qua;
- h) Điều hành Công ty ký kết các hợp đồng, thương vụ hợp tác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- i) Xuất hành bí mật pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- j) Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm cả Bảng cân đối kế toán; Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ phải trình Hội đồng Quản trị thông qua và phải báo cáo những thông tin

quy định và các quy chế của Công ty.

- k) Chủ tịch kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền về lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - l) Báo cáo Hội đồng Quản trị, UBCKNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kinh doanh của Công ty.
 - m) Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thủ tục quản trị rủi ro nhằm bảo vệ lợi ích của các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các quy trình, nhân sự cấp và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng về tất cả các vị trí, nhân viên, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật;
 - n) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
2. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các Công đồng: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Hội đồng Công đồng về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phải báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.

Điều 53. Nhiệm vụ, bổn phận, trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc sau khi có quy định bổn phận của Hội đồng Quản trị, có nhiệm vụ ngay công việc của danh mục bổn phận; Tổng Giám đốc có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định của mình trong thời gian có trách nhiệm của danh mục.
2. Tổng Giám đốc bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ tự nhiên và cách thức trong các trường hợp sau:
 - a) Không có tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định của khoản 3, Điều 53 Điều lệ này;
 - b) Có xin thôi việc;
 - c) Không hoàn thành nhiệm vụ của giao, Công ty làm thua lỗ hai năm liên tiếp;
 - d) Các trường hợp khác theo Quy định của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật;
3. Trường hợp Tổng Giám đốc bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ tự nhiên và cách thức theo quy định của khoản 2, Điều này, Hội đồng Quản trị phải ngay lập tức có điều kiện theo quy định của Điều lệ này để miễn nhiệm công việc của Tổng Giám đốc;
4. Trường hợp Tổng Giám đốc muốn thôi việc phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị xem xét quy định. Nghị quyết của Tổng Giám đốc phải ghi ít nhất từ sáu mươi (60) ngày;

5. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bầu bãi nhiệm, miễn nhiệm, ngưng nhiệm một cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhân các xin t chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải bãi nhiệm Tổng Giám đốc miễn.
6. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bãi nhiệm Tổng Giám đốc miễn thay thế.
Tổng Giám đốc bầu bãi nhiệm có quy định phần nội dung bãi nhiệm này thì Hội đồng Công ty phải theo quy định.
7. Khi tạm đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải có văn bản báo cáo UBCKNN.

Điều 54. Thủ tục của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban điều hành

Hội đồng Quản trị quyết định tài chính, thu nhập và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban điều hành cũng theo kế hoạch và hiệu quả kinh doanh. Tài chính và các chi phí cho hoạt động của Ban điều hành được tính vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, phải công khai thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo tài chính Công ty cụ thể hàng năm.

Điều 55. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, nội bộ công ty, quy định của Hội đồng Công ty, quy định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và các ngành nghề kinh doanh khác trong công ty;
 - b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, công bố và xử lý các hoạt động kinh doanh của bên thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của các tác nhân và xử lý các hoạt động vi phạm quy định.
 - c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy định về công nghệ nghiệp vụ;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định về bảo toàn tài chính;
 - e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế

- toán, kế toán; Có kinh nghiệm, uy tín, th m quy n th c thi có hi u qu nhi m v c giao;
- b) Không ph i là ng i có liên quan n các tr ng b ph n chuyên môn, ng i th c hi n nghi p v , T ng Giám c, Phó T ng Giám c, Giám c chi nhánh trong công ty ch ng khoán;
 - c) Có Ch ng ch hành ngh ch ng khoán ho c Ch ng ch Nh ng v n c b n v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và Ch ng ch Pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán;
 - d) Không kiêm nhi m các công vi c khác trong Công ty.
3. Nhi m v c a H th ng th c thi Qu n tr r i ro:
- a) Xác nh chính sách th c thi và m c ch p nh n r i ro c a Công ty;
 - b) Xác nh r i ro c a Công ty;
 - c) o l ng r i ro;
 - d) Giám sát, ng n ng a, phát hi n và x lý r i ro.

M c 4 – Ban Ki m soát

i u 56. S l ng, nhi m k , nguyên t c c , ng c vào Ban Ki m soát

1. Ban Ki m soát là c quan do i h i ng C ông b u ra, thay m t i h i ng C ông ki m soát m t cách c l p, khách quan và trung th c m i ho t ng kinh doanh, qu n tr và i u hành Công ty, ch u trách nhi m tr c i h i ng C ông trong th c hi n nhi m v c giao.
2. Ban Ki m soát có s thành viên ít nh t là 03 (ba) và nhi u nh t là 05 (n m) thành viên, s l ng c th do i h i ng C ông quy t nh. Các thành viên Ban Ki m soát ph i b u ra m t thành viên làm Tr ng ban. Tr ng Ban Ki m soát ph i ho t ng theo ch chuyên trách. Ban Ki m soát ph i có ít nh t m t thành viên có trình chuyên môn v tài chính k toán, thành viên này không ph i là nhân viên trong b ph n k toán, tài chính c a Công ty và không ph i là thành viên hay nhân viên c a Công ty kế toán c l p ang th c hi n vi c ki m toán các Báo cáo tài chính c a Công ty.
3. Nhi m k c a Ban Ki m soát là n m (05) n m, các thành viên Ban Ki m soát có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . Ban Ki m soát có cùng nhi m k v i H i ng Qu n tr c a Công ty. Tr ng Ban Ki m soát phân công công vi c cho các thành viên Ban Ki m soát và ch u trách nhi m v toàn b ho t ng c a Ban Ki m soát.
4. Thành viên Ban Ki m soát không c ng th i là thành viên H i ng Qu n tr , ng i i u hành, cán b qu n lý c a Công ty;
5. Nguyên t c c , ng c vào Ban Ki m soát:
 - a) Các C ông n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c sáu tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c at ng ng i l i v i nhau c các ng viên Ban Ki m soát;

- b) Công hoc nhóm Công n m gi d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong 06 tháng liên t c c c m t (01) thành viên;
 - c) Công hoc nhóm Công n m gi t 10% n d i 30% s c ph n có quy n bi u quy t c c hai (02) thành viên;
 - d) Công hoc nhóm Công n m gi t 30% n d i 50% s c ph n có quy n bi u quy t c c ba (03) thành viên;
 - e) Công hoc nhóm Công n m gi t 50% n d i 65% s c ph n có quy n bi u quy t c c ba (04) thành viên;
 - f) Công hoc nhóm Công n m gi t 65% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c c s thành viên d ki n b u.
6. i u ki n làm thành viên Ban Ki m soát:
- a) T 21 tu i tr lên, có y n ng l c hành vi dân s và không thu c các i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
 - b) Không ph i là ng i có liên quan c a thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c và ng i qu n lý khác;
 - c) Có s c kh e, ph m ch t o c t t, trung th c và hi u bi t pháp lu t;
 - d) Có trình chuyên môn v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán;
 - e) Ph i là ki m toán viên hoc k toán viên;
7. Thành viên Ban Ki m soát không còn t cách thành viên trong các tr ng h p sau:
- a) Thành viên ó b pháp lu t c m làm thành viên Ban Ki m soát;
 - b) Thành viên ó t ch c b ng m t v n b n thông báo c g i n tr s chính cho Công ty;
 - c) Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a Ban Ki m soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d) Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban Ki m soát trong vòng sáu tháng liên t c, và trong th i gian này Ban Ki m soát không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy tr ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e) Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban Ki m soát theo quy t nh c a i h i ng Công.

Các tr ng h p quy nh t i i m a, b, c, d trên ây, thành viên Ban Ki m soát s không còn t cách thành viên ngay sau khi H i ng qu n tr có quy t nh xác nh n thành viên ó ã không còn t cách thành viên mà không c n có s phê chu n c a H C .

i u 57. Quy n h n và nhi m v c a Ban Ki m soát

1. Giám sát hoc t ng và vi c tuân th các quy nh c a pháp lu t và i u l này trong vi c qu n lý và i u hành Công ty i v i các thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c, các Phó T ng Giám c, K toán tr ng c a Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i;
2. Ki m tra hoc t ng tài chính c a Công ty; giám sát vi c ch p hành ch h ch toán,

ho t ng c a h th ng ki m tra và ki m soát n i b c a Công ty;

3. Th m nh Báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng quý c a Công ty; ki m tra t ng v n c th liên quan n ho t ng tài chính c a Công ty khi xét th y c n thi t ho c theo quy t nh c a i h i ng C ông ho c theo yêu c u c a C ông, nhóm C ông quy nh t i kho n 2, i u 26 i u l này;
4. Báo cáo i h i ng C ông v k t qu th m nh Báo cáo tài chính hàng n m, ánh giá tính h p lý, h p pháp, trung th c và m c c n tr ng trong công tác qu n tr , i u hành ho t ng, công tác k toán, th ng kê và l p Báo cáo tài chính, ho t ng c a h th ng ki m tra và ki m toán n i b c a Công ty;
5. Th ng xuyên thông báo v i H i ng Qu n tr v k t qu ho t ng; tham kh o ý ki n c a H i ng Qu n tr tr c khi trình các báo cáo, k t lu n và ki n ngh lên i h i ng C ông;
6. Xem xét s k toán và các tài li u khác c a Công ty, các công vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty b t c khi nào n u xét th y c n thi t ho c theo quy t nh c a i h i ng C ông ho c theo yêu c u c a C ông ho c nhóm C ông quy nh t i kho n 2, i u 26, i u l này;
7. xu t l a ch n Công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n liên quan n s rút lui hay bãi nhi m c a Công ty ki m toán c l p; Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;
8. Khi có yêu c u c a C ông ho c nhóm C ông theo quy nh t i kho n 2, i u 26, i u l này, Ban Ki m soát th c hi n ki m tra trong th i h n 7 ngày làm vi c k t ngày nh n c yêu c u. Trong th i h n 15 ngày k t ngày k t thúc ki m tra, Ban Ki m soát ph i báo cáo gi i trình v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng Qu n tr và C ông, nhóm C ông có yêu c u.
9. Vi c ki m tra c a Ban Ki m soát quy nh t i kho n này không c c n tr ho t ng bình th ng c a H i ng Qu n tr , không làm gián o n ho t ng i u hành kinh doanh c a Công ty.
10. Ki n ngh H i ng Qu n tr ho c i h i ng C ông các bi n pháp b sung, s a i, c i ti n ho t ng tài chính c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t;
11. Khi phát hi n có thành viên H i ng Qu n tr , T ng Giám c vi ph m nghiêm tr ng ngh a v c a ng i qu n lý quy nh t i i u 119 Lu t Doanh nghi p ho c th c hi n công vi c v t quá th m quy n c giao thì ph i thông báo ngay b ng v n b n v i H i ng Qu n tr , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m đ t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu ;
12. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
13. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a Ban i u hành;
14. Xem xét báo cáo c a Công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng Qu n tr ch p thu n;
15. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a Ban i u hành;
16. Ban Ki m soát có quy n s d ng t v n c l p th c hi n các nhi m v c giao;

17. Các nhiệm vụ và quy định khác theo quy định của pháp luật và nội dung này.

Điều 58. Quy định và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quy định sau:

- a) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập và chủ trì Hội đồng bất thường theo quy định tại Điều 2 của nội dung này và Điều 3, Điều 30 của nội dung này;
- b) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Kiểm soát;
- c) Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Chịu trách nhiệm trước các thành viên Ban Kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quy định của Ban Kiểm soát;
- e) Nghiên cứu Hội đồng Quản trị phiên bất thường xử lý những vướng mắc về phạm vi quy định của pháp luật và nội dung;
- f) Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trình lên Hội đồng;
- g) Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban Kiểm soát thực hiện công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quy định như sau:

- a) Bổ nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát;
- b) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quy tắc toán nội tài chính và kỹ thuật khác phục các sai phạm nêu có;
- c) Thực hiện yêu cầu của ban, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và ghi trình các hoạt động kinh doanh;
- d) Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những thiếu sót tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Hội đồng;
- e) Ít nhất một tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát;
- f) Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quy tắc của Hội đồng Quản trị, thực hiện ghi ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và trình tiếp báo cáo trước Hội đồng;
- g) Hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền nghiên cứu Hội đồng Quản trị phiên bất thường và triệu tập Hội đồng bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều 3, Điều 30 của nội dung này;
- h) Chịu trách nhiệm về pháp luật, trước Công ty về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Công ty. Trưởng ban đề nghị hoặc không chấp thuận kỹ thuật xử lý về những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
- i) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nội dung này.

điều 59. Quy định cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo miệng, phi vụ lý kỷ thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo công việc thành viên Ban Kiểm soát cùng thẩm định và phê duyệt nội dung thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành công việc thành viên Ban Kiểm soát cùng thẩm định và theo phê duyệt nội dung thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác.
4. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, phải báo cáo kịp thời các biến động các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẵn có cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thẩm định cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị.

điều 60. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẵn sàng nhiệm vụ một cách hoàn hảo bất kỳ nhiệm vụ, nhiệm vụ danh theo quy định tại khoản 7, điều 56 của Điều lệ này.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát vì phạm nghiêm trọng hoặc vì của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng Quản trị triệu tập Hội đồng Công đồng xem xét nhiệm vụ Ban Kiểm soát nhiệm vụ và bổ nhiệm Ban Kiểm soát mới thay thế.
3. Trong trường hợp không quá 15 ngày kể từ ngày Trường Ban Kiểm soát bổ nhiệm một cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trường Ban Kiểm soát.
4. Trường Ban Kiểm soát muốn tổ chức Trường ban, phải có sự đồng ý của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong trường hợp sáu tháng (60) ngày kể từ ngày nhậm chức, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bổ nhiệm Trường Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
5. Trường hợp bổ nhiệm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp không quá 60 ngày kể từ ngày không có thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải triệu tập Hội đồng Quản trị triệu tập Hội đồng Công đồng bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
6. Trong các trường hợp khác, chủ tịch quản lý của Hội đồng Công đồng bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bổ nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điểm 61. Các quy định Ban Kiểm soát

1. Quy định thành viên: Ban Kiểm soát hình thành từ các thành viên độc lập (hoặc có thể nhân thân theo quy định của Trường Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ) và có thể có một thành viên là thành viên nội bộ của công ty.
2. Quy định bổ nhiệm: Quy định bổ nhiệm của Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Trường Ban Kiểm soát;
 - d) Ít nhất hai thành viên Ban Kiểm soát trước;
 - e) Tổng Giám đốc.
3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản nghị quyết Ban Kiểm soát bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp nêu tại điểm a, b, d, e của khoản 2 điểm này, Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập và thực hiện cuộc họp Ban Kiểm soát bổ nhiệm. Trường họp, sau hai lần nghị quyết mà Trường Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành họp Ban Kiểm soát xử lý công việc, đồng thời quy định về nhiệm vụ, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới vào các vị trí chức danh Trưởng ban.
4. Thẩm quyền: Các quy định Ban Kiểm soát thực hiện theo pháp luật về Công ty.
5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát thực hiện sau 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát phải làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về nội dung sự kiện bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và các phụ lục cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phụ lục cho Ban Kiểm soát trước khi họp.
6. Sự thành viên tối thiểu tham dự các quy định: Cuộc họp Ban Kiểm soát thực hiện khi có tối thiểu hai thành viên (2/3) thành viên Ban Kiểm soát trước tham dự hoặc qua nghị quyết thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện.

Trường họp triệu tập họp Ban Kiểm soát nếu không có thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.

Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không có thành viên tham dự, Trường Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và nghị triệu tập phiên họp Công đồng bổ nhiệm trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo Công đồng xem xét cách thức các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Bi u quy t:

- a) M i thành viên Ban Ki m soát tham d cu c h p Ban Ki m soát s có m t phi u bi u quy t t i cu c h p Ban Ki m soát. N u thành viên Ban Ki m soát không tham d cu c h p thì có th y quy n bi u quy t c a mình b ng v n b n cho m t thành viên Ban Ki m soát khác (là i t ng c phép tham gia bi u quy t) th c hi n bi u quy t thay.
- b) Thành viên Ban Ki m soát có quy n l i liên quan t i v n c a ra Ban Ki m soát quy t nh s không c phép tham gia bi u quy t i v i v n ó và không c tính vào s l ng i bi u yêu c u có m t t i cu c h p, ng th i c ng không c nh n u quy n c a thành viên Ban Ki m soát khác tham gia bi u quy t v n ó.
- c) N u có nghi ng nào n y sinh t i m t cu c h p liên quan n quy n l i c a thành viên Ban Ki m soát ho c liên quan n quy n c bi u quy t c a thành viên Ban Ki m soát và nh ng nghi ng ó không c thành viên Ban Ki m soát ó t nguy n gi i quy t b ng cách ch p thu n t b quy n bi u quy t, thì nghi ng ó s c chuy n t i Ch to c a cu c h p.

Phán quy t c a Ch to s có giá tr cu i cùng và có tính k t lu n tr tr ng h p khi b n ch t ho c m c quy n l i c a thành viên Ban Ki m soát có liên quan ó ch a c bi trõ.

- d) B t k thành viên Ban Ki m soát nào có liên quan n m t h p ng c nêu trong kho n 1, i u 120 c a Lu t Doanh nghi p s c coi là có quy n l i v t ch t i v i h p ng ó.
8. Tuyên b quy n l i: Thành viên Ban Ki m soát n u theo s hi u bi t c a mình th y có liên quan dù là tr c ti p hay gián ti p t i m t h p ng, m t tho thu n hay m t h p ng đ ki n ho c m t tho thu n đ ki n giao k t v i Công ty ph i khai báo b n ch t quy n l i liên quan t i cu c h p H i ng Qu n tr và cu c h p Ban Ki m soát, t i ây H i ng Qu n tr và Ban Ki m soát s xem xét vì c có giao k t các h p ng ho c tho thu n ó không, n u nh sau này m i bi t v s t n t i quy n l i ó c a mình hay trong b t c tr ng h p nào khác, thành viên ó ph i thông báo ngay t i cu c h p g n nh t c a H i ng Qu n tr và cu c h p g n nh t c a Ban Ki m soát sau khi thành viên ó bi t c ã có quy n l i liên quan.
9. Bi u quy t a s : Quy t nh c a Ban Ki m soát c thông qua n u c a s thành viên Ban Ki m soát có quy n tham gia bi u quy t đ h p ch p thu n. Tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Tr ng Ban Ki m soát ho c thành viên Ban Ki m soát c Ban Ki m soát u quy n Ch to cu c h p (tr ng h p Tr ng Ban Ki m soát v ng m t).
10. Tr ng h p Ban Ki m soát l y ý ki n b ng v n b n thông qua quy t nh v m t v n thì quy t nh c coi là có giá tr t ng ng v i m t quy t nh c thông qua b i các thành viên Ban Ki m soát t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c thông th ng, n u:

a) Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bình đẳng và xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bình đẳng phải bằng số lượng thành viên bất cử chức có thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

11. Biên bản họp Ban Kiểm soát: các cuộc họp Ban Kiểm soát phải ghi chép vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát có lập biên bản và phải có tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản.

Chức vụ của các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm và ghi trong Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc của các thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp có những khi cần liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ghi Biên bản.

Điều 62. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát sẽ hưởng lương theo quy định của Hội đồng Công, các thành viên Ban Kiểm soát khác sẽ hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng Công quy định.
2. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ thanh toán các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chi phí sử dụng dịch vụ và vận chuyển đi công tác. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Công chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng Công có quy định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động trả cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định. Số tiền thù lao và chi phí hoạt động mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận, sẽ nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

Mục 5 - Nghĩa vụ của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành Công ty

Điều 63. Trách nhiệm của thành viên

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của các thành viên mà họ đang đại diện. Họ có thể miễn nhiệm với tư cách thành viên và trong hoàn cảnh nhất định.

Điểm 64. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có tính chất độc quyền của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân cho cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những nội dung nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quy định không truy cứu vụ việc này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi những người này có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan bên ngoài của Công ty, tác nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan bên ngoài là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ này, hoặc vì thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý đó có một hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay ủy ban đã cho phép thực hiện những hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phi vụ của họ được tính khi bị truy cứu về mục đích đó, như:
 - a) Mọi chi phí hợp lý có giá trị tối đa 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về chi phí hợp lý hoặc giao dịch của những mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc ủy ban liên quan.
Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc ủy ban đó đã cho phép thực hiện những hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phi vụ tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b) Mọi chi phí hợp lý có giá trị tối đa 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về chi phí hợp lý hoặc giao dịch này của những mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các Ủy ban không có lợi ích liên quan có quy định bị truy cứu vụ việc đó, và những Ủy ban đó đã bỏ phiếu tán thành những hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan giữa các Ủy ban của Công ty vào thời điểm giao dịch của hợp đồng này của Hội đồng Quản trị hoặc một ủy ban trực tiếp của Hội đồng Quản trị hay các Ủy ban cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ

quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm hiện có của thông tin chính thức gây nhầm lẫn giá của chứng khoán và các Công ty khác liên quan không biết thông tin này.

Điều 65. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a) Tên, địa chỉ cư trú chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, số phần hoặc vốn, ưu đãi cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý trên 5% vốn của doanh nghiệp, tổ chức đó; tài sản và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, địa chỉ cư trú chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - c) Tên, địa chỉ cư trú chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1, điều này phải thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Trường hợp có sai sót, bổ sung thì phải thông báo với Công ty trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh sai sót, bổ sung.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1, 2 điều này phải được báo cáo kịp thời với Hội đồng Công ty hàng năm gửi kèm hồ sơ thông báo hàng năm cho Công ty và các niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc dịch vụ hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty ưu tiên đi trình bày chức vụ, nội dung của công việc ở trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên khi các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được họ thu được của Công ty.

Điều 66. Trách nhiệm về thiệt hại và bị kiện tụng

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý vì phạm nghĩa vụ hành nghề một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sơ suất, thiếu cẩn trọng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Bị kiện tụng:

Công ty sẽ bị kiện tụng cho những người, cá nhân và có nguy cơ trở thành một bên liên

quan trọng các vấn đề như nhân sự, kinh doanh, tài chính, ngân hàng có thể sẽ cần tiến hành cho dù đây là vấn đề dân sự, hành chính (mà không phải là vấn đề kinh doanh do Công ty thực hiện hay thu về quy định của Công ty) nhưng nếu đã hoàn thành là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty (hay công ty con của Công ty) quản lý, hoặc người đã hoàn thành theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đi làm của một công ty, cá nhân, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí cá nhân bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế thu nhập cá nhân), chi phí quản lý, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong quá trình hoạt động coi là mục đích pháp lý khi ghi quy định trong nội quy này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đã hành động trung thực, công bằng, minh bạch và vì lợi ích chuyên môn theo pháp luật mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chấp nhận lợi ích cá nhân của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó vì phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm cá nhân như nêu trên.

Điều 67. Các hình phạt, giao dịch phi công bằng, Hội đồng Quản trị chấp thuận

- Hình phạt, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với các cá nhân sau đây phải công bằng, minh bạch đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và Hội đồng Quản trị chấp thuận:
 - Công đồng, người đi làm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội trên 10% tổng số phần vốn thông của Công ty trên và những người liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và những người có liên quan;
 - Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
- Hội đồng Quản trị chấp thuận các hình phạt và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong hình phạt này, người đi làm công ty ký hình phạt phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan về việc hình phạt, giao dịch đó; đồng thời kèm theo danh sách hình phạt hoặc nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hình phạt hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không được quy định bởi quy định.
- Minh bạch công bằng chấp thuận các hình phạt và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trong hình phạt này, người đi làm công ty ký hình phạt phải thông báo Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các cá nhân có liên quan về việc hình phạt, giao dịch đó; đồng thời kèm theo danh sách hình phạt hoặc thông báo nội dung chi tiết của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình danh sách hình phạt hoặc ghi trình vấn đề nội dung chi tiết của giao dịch tại cuộc họp minh bạch công bằng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội. Trong hình phạt này, công đồng có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hình phạt hoặc giao dịch chấp thuận khi có sự đồng ý của 65%

tổng số phiếu bầu quy định còn lại tán thành

- Hợp đồng, giao dịch bất hợp pháp và xử lý theo quy định của pháp luật khi các ký kết hoặc thể hiện mà chưa chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên hệ với thẩm định thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được vì các thể hiện hợp pháp, giao dịch đó.

Mục 6 - Quy định về sách và hồ sơ của Công ty

Điều 68. Quy định về sách và hồ sơ

- Công ty hoặc nhóm Công ty quy định tại khoản 2, điều 26, điều 1 này có quy định về tiếp nhận qua luật sư hoặc người đại diện quy định, gửi văn bản yêu cầu kiểm tra danh sách Công ty, các biên bản của Hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ có trong giấy làm việc tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện quy định khác của Công ty phải kèm theo giấy ủy quyền của Công ty mà người đại diện hoặc mặt bên sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quy định kiểm tra sổ đăng ký Công ty của Công ty, danh sách Công ty và sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình về việc kiểm tra các thông tin này phải công bố mở.
- Công ty phải lập điều 1 này và những bản sao, bổ sung điều 1, Giấy phép thành lập và hoạt động, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định hồ sơ tài sản, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc mặt bên khác về việc kiểm tra là các Công ty và quan hệ ký kinh doanh công bố và đăng ký các giấy tờ này.
- Công ty có quy định Công ty chấp nhận nộp mặt bên điều 1. Điều 1 này công bố công bố trên website của Công ty: www.shs.com.vn.

Mục 7 - Nghĩa vụ lao động và công đoàn

Điều 69. Nghĩa vụ lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng Quản trị thông qua các văn bản liên quan về việc tuyển dụng, lao động, bồi dưỡng, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và nghĩa vụ lao động của công nhân viên quan hệ của Công ty về các tổ chức công đoàn của công nhân theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định tại điều 1 này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V CÁC CHẾ TÀI CHÍNH

Mức 1 - Hệ thống kế toán và nội dung tài chính

Điều 70. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sử dụng hệ thống kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam làm ngôn ngữ tính toán.

Điều 71. Nội dung tài chính

Nội dung tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đầu lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 đầu lịch cùng năm. Nội dung tài chính ưu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm của cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 72. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sách kế toán quy định của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sử dụng hình thức các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Mức 2 - Nội dung và kiểm toán

Điều 73. Nội dung

1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua hình thức, số lượng và nội dung nội dung chính thức của Công ty và nội dung khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng Công, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng và quản lý nội dung theo quy định của pháp luật và Quy định của Công ty.

Điều 74. Kiểm toán

1. Trên cơ sở xu hướng Hội đồng Quản trị, Hội đồng Công quy định nội dung kiểm toán nội bộ của Công ty kiểm toán các nội dung tài chính tính theo phù hợp với quy định của pháp luật này và quy định có liên quan của pháp luật đã đề cập trên nội dung điều khoản và nội dung kiểm toán nội bộ Hội đồng Quản trị.

Công ty kế toán phải có các quan hệ nhân có thể quy định, nêu pháp luật có quy định.

Điều 115 khoản 1 Điều 115, Điều 115 khoản 1 Điều 115 của Luật Kế toán Công ty sau khi có sự đồng ý của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám sát.

2. Công ty sẽ phải chịu và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kế toán để lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kế toán có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Kế toán viên thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải có các quan hệ nhân có thể quy định pháp luật.
4. Mẫu bản sao của báo cáo kế toán sẽ gửi kèm với bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kế toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám sát và các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội đồng quản trị và Hội đồng giám sát và có quyền phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến kế toán.

Điều 75. Hệ thống Kiểm soát nội bộ

1. Công ty phải thiết lập và duy trì hệ thống Kiểm soát nội bộ để lập và chuyên trách. Hệ thống Kiểm soát nội bộ phải thiết lập trực tiếp chính, chi nhánh của Công ty. Hệ thống Kiểm soát nội bộ phải chịu sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.
2. Người làm việc trong Ban Kiểm soát nội bộ phải áp dụng các yêu cầu theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
3. Quy trình Kiểm soát nội bộ để lập chính thức bằng văn bản và công bố trong nội bộ Công ty.
4. Mọi nhân viên của Công ty phải tuân thủ hệ thống Kiểm soát nội bộ.
5. Nhà Công ty tiến hành kiểm tra và nâng cao hiệu quả của các biện pháp Kiểm soát nội bộ.
6. Ban Kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ để tuân thủ, nhà báo cáo kết quả lên Tổng Giám đốc Công ty nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Mục 3 - Sản phẩm và phân chia lợi nhuận

Điều 76. Sản phẩm

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội có sản phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà theo quy định pháp luật.
2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội quy định thay đổi cấu trúc và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định pháp luật.

3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội có tài sản và tài sản của các công ty trực thuộc có thể cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 77. Trích lập các Quỹ

1. Việc trích lập quỹ có thể thực hiện theo quy định của pháp luật và do Hội đồng Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Công ty trích lập như sau thu lập các quỹ như sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: Công ty phải trích lập như sau thu lập khoản vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này bằng 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và trích cho năm khi quỹ dự trữ bằng 100% vốn điều lệ của Công ty;
 - b) Quỹ phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: Công ty phải trích lập như sau thu lập khoản vào quỹ phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này bằng 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và trích cho năm khi quỹ phòng bằng 10% vốn điều lệ của Công ty;
 - c) Quỹ phòng giá trị chứng khoán;
 - d) Quỹ khen thưởng;
 - e) Quỹ phúc lợi;
 - f) Các quỹ khác nếu có do Hội đồng Quản trị kiến nghị và Hội đồng Công ty phê chuẩn hàng năm.
2. Việc quản lý và sử dụng các quỹ quy định tại khoản 1, Điều này có thể thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 78. Chi trả

1. Chi trả có thể chia theo quy định của Hội đồng Công ty trên cơ sở nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị. Công ty chi trả chi trả cho Công ty khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp lỗ (nếu có).
2. Hội đồng Quản trị có thể quy định thanh toán chi trả giá trị khoản xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.
3. Chi trả cho cổ phần ưu đãi có thể thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
4. Chi trả có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng khoán của Công ty Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng Quản trị kiến nghị và Hội đồng Công ty quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì chi trả bằng Ngân Việt Nam và có thể chi trả thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của Công ty.
5. Chi trả có thể chi trả thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có chi tiết tài khoản ngân hàng của Công ty có thể chuyển trả chi trả vào tài khoản của Công ty tại ngân hàng.

Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản có trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết tài khoản ngân hàng như thông báo của Công ty.

Trên hợp phi của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội có niêm yết tại SGDCK/TTGDCK thì việc thanh toán cổ tức vì các cổ phần này có thể thực hiện thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trên hợp phi có sơ đồ thu nợ của Hội đồng, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần thông qua nhà đăng ký các cổ phần thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.

Các cổ phần bổ sung trên cổ phiếu này có ghi là những cổ phần đã thanh toán kỳ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trên cổ phiếu thông qua việc tính toán cổ tức.

7. Hội đồng Quản trị lập danh sách Công ty nhà đăng ký, xác định mức cổ tức cổ tức vì cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước khi làm lễ phát cổ tức. Thông báo về cổ tức phải công khai gửi tới tất cả các Công ty chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên và địa chỉ của Công ty, số phiếu nợ loại của Công ty, mức cổ tức vì cổ phần loại cổ phần và tổng số cổ phiếu mà Công ty có nhà đăng ký, thời gian và phương thức trả cổ tức.
8. Công ty không trả lãi cho bất kỳ khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà Công ty chưa nhận khi nhận trả cổ tức.
9. Công ty chuyển những cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Công ty nhà đăng ký và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức của Công ty.
10. Các Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày chốt làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Các theo ngày đó, những người đăng ký với cách Công ty hoặc người sở hữu các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, những cổ phiếu, những thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 79. X lý l trong kinh doanh

Trên hợp phi Công ty bổ, làm mới các cổ phiếu trong năm kết thúc khi năm kết thúc của Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 80. Các vấn khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 81. Các Báo cáo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của UBCKNN và báo cáo phi kiểm toán theo quy định tại Điều 72, Điều này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm để kiểm tra thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, UBCKNN, SGDCK/ TTGDCK và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài Báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của UBCKNN và nộp cho UBCKNN và SGDCK/ TTGDCK.
4. Bản tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính hàng năm để kiểm toán phi kiểm toán và tất cả các Công ty và các công bố trên nhật báo của pháp luật và tất cả báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần tiếp theo. Các Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải công bố trên website: www.shs.com.vn
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hồ sơ sao chép Báo cáo tài chính hàng năm để kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, thì phải chính thức của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 82. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phải công bố ra công chúng các Báo cáo tài chính hàng năm và tài liệu bổ sung khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho UBCKNN, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TỔNG QUẢN LÝ, GIÁM ĐỐC VÀ PHÁP SỬ CÔNG TY

Điều 83. Tổng tài

Việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển nhượng Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Chế độ tổ chức và giám đốc Công ty

1. Công ty có thể bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trong những trường hợp sau:
 - a) Khi kết thúc nhiệm kỳ của Công ty, kể sau khi đã gia hạn;
 - b) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c) Giám đốc thôi nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Công ty có thể bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty trong những trường hợp sau:
 - a) Mục tiêu của Công ty không thực hiện được;
 - b) Công ty bị thua lỗ từ 3/4 vốn điều lệ;
 - c) Có yêu cầu chính đáng của Công ty/nhóm Công ty đi kiện cho ít nhất 2/3 số cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
3. Việc giám đốc Công ty thôi nhiệm do Điều lệ Công ty quy định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quy định giám đốc này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật (nếu có).
4. Thuyết trình giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 85. Thanh lý Công ty

1. Từ thời điểm sáu tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ của Công ty hoặc sau khi có quyết định giám đốc Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Điều lệ Công ty chọn và một thành viên do Hội đồng Quản trị chọn từ công ty kế toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm các quy định của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên trong Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm kỳ, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Nhiệm vụ của các thành viên sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;

- b) Tiền lương và chi phí bổ sung cho cán bộ nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản quy định thì số dư này sẽ được phân chia cho các Công đồng. Các thành viên ưu tiên thanh toán trước.

Điều 86. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty Công đồng Thành phố Hồ Chí Minh – Hà Nội sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 87. Trách nhiệm bổ sung của các thành viên Hội đồng Quản trị và Công đồng

Các Công đồng nắm giữ nhiệm vụ giám đốc tài chính và quản lý hành chính có quy định bổ sung quy định trong Điều lệ thành viên Hội đồng Quản trị có quy định bổ sung khi cần thiết để yêu cầu giám sát theo dõi và giám sát các công việc sau:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể vắng mặt trong quá trình các công việc của Công ty diễn ra tình trạng không thể thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng Quản trị hoặc không.
2. Các Công đồng không thể vắng mặt nên không thể thực hiện nhiệm vụ theo quy định bổ sung của thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Công đồng chia rẽ khi cần cho việc giám sát là phải phân giải các công việc cho toàn thể Công đồng.

CHƯƠNG VIII
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 88. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi người có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quy định của các Công đồng phát sinh từ nội bộ hay từ bất cứ quy định nào khác do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản quy phạm pháp luật khác, gồm:

- a) Công viên Công ty; hoặc
- b) Công viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ trở thành người giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng Công đồng chọn một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2. Trường hợp không thể quy định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
- 3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG IX
I U KHON THI HÀNH

đ u 89. B sung và s a i i u l

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng C ông xem xét quy t nh.
2. Trong tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan n ho t ng c a Công ty ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp đ ng và i u ch nh ho t ng c a Công ty.

đ u 90. Ngày hi u l c

1. B n i u l này g m IX ch ng, 90 i u, c s a i, b sung t i Ngh quy t i h i ng c ông s 02-2015/NQ- H C ngày 27/4/2015 c a i h i ng c ông Công ty CP Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i cùng ch p thu n hi u l c toàn v n t i i u l này.
2. i u l này c chính th c áp đ ng k t ngày 01/7/2015 theo Ngh quy t i h i ng c ông s 02-2015/NQ- H C ngày 27/4/2015 c a i h i ng c ông Công ty CP Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i.
3. i u l c l p thành 15 b n, có giá tr nh nhau, trong ó:
 - a) 01 b n n p t i Phòng công ch ng Nhà n c c a a ph ng;
 - b) 05 b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh c a U ban nhân dân T nh, Thành ph ;
 - c) 03 b n báo cáo UBCKNN và các SGDCK/TTGDCK;
 - d) 06 b n l u tr t i V n phòng H i ng Qu n tr Công ty;
4. i u l này là duy nh t và chính th c c a Công ty.
5. Các b n sao ho c trích l c i u l Công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H i ng Qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai (1/2) t ng s thành viên H i ng Qu n tr m i có giá tr .

TM. CTY CP CH NG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ N I
TM. H I NG QU N TR
CH T CH

QUANG HI N

PH L C
CHI TI TV N I UL CÔNG TY T NGÀY THÀNH L P N NAY
VÀ T L C PH NS H UC A CÁC C ÔNG SÁNG L P
T I NGÀY THÀNH L P CÔNG TY

1) Chi tí tv n i ul c a Công ty t ngày thành l p n nay:

STT	THÁNG	V N I UL (ng)	GHI CHÚ
1	11/2007	350.000.000.000	Thành l p Công ty
2	05/2009	410.629.960.000	Phát hành c phi u th ng t ng v n i ul t qu th ng đ v n
3	04/2010	1.000.000.000.000	Phát hành c ph n t ng v n i ul cho C ông hi n h u, Cán b nhân viên và i tác ti m n ng

2) Thông tin v C ông sáng l p và t l s h u c ph n c a các C ông sáng l p t i ngày thành l p Công ty:

T T	TÊN	GI Y CN KKD, NGÀY C P, N I C P	A CH	C PH N S H U	TR GIÁ (ng)	T L (%)
1	Công ty C ph n T p oàn T&T	0103020950, 09/12/2008, S KH& T Hà N i	S 18 ng Hàng Chu i, Qu n Hoàn Ki m, Hà N i	5.250.000	52.500.000.000	15%
2	Ngân hàng Th ng m i C ph n Sài Gòn - Hà N i (SHB)	0103026080, 29/7/2008, S KH& T Hà N i	S 77, ng Tr n H ng o, Qu n Hoàn Ki m, Hà N i	3.500.000	35.000.000.000	10%
3	T p oàn Công nghi p Than - Khoáng s n Vi t Nam (VCM)	0106000574, 09/02/2006, S KH& T Hà N i	S 226 ng Lê Du n, Qu n ng a, Hà N i	3.500.000	35.000.000.000	10%

S T T	TÊN	GI Y CN KKD, NGÀY C P, N I C P	A CH	C PH N S H U	TR GIÁ (ng)	T L (%)
4	Công ty C ph n Phát tri n ô th và Khu Công nghi p Cao su Vi t Nam (VINARUCO)	0403000336, 18/12/2007, S KH& T H i D ng	S 165 ng B ch ng, p.Tr n Phú, TP.H i D ng, t nh H i D ng	3.500.000	35.000.000.000	10%
5	T p oàn Công nghi p Cao su Vi t Nam (VGR)	4106000341, 16/03/2007, S KH& T TP.HCM	S 236 ng Nam K Kh i Ngh a, Qu n 3, TP HCM	1.750.000	17.500.000.000	5%
6	Công ty TNHH D ch v Th ng m i Hà N i	044981, 11/04/2007 S KH& T Hà N i	S 17 ng Phù ng Thiên V ng, P. Ngô Thì Nh m, Hai Bà Tr ng, Hà N i	1.750.000	17.500.000.000	5%
7	Công ty C ph n u t Công nghi p An Sinh	0103021662, 11/01/2008 S KH& T Hà N i	S 122 Hoàng Ngân, P.Trung Hòa, Qu n C u Gi y, Hà N i	1.750.000	17.500.000.000	5%